



Cập nhật Danh mục đầu tư:

**CÂN BẰNG**

**MWG** → **HCM**

# SMART PORTFOLIO

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

Tháng 10/2024

● Thuộc bộ sản phẩm giải pháp đầu tư

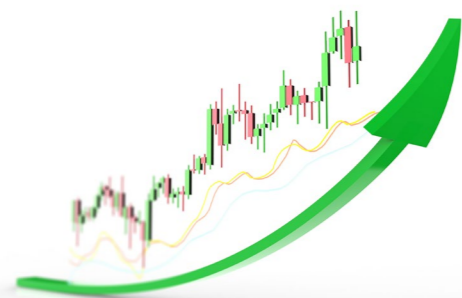
**smartDragon**

## Mục lục

### smartPortfolio tháng 10/2024

<b>I. Tổng quan danh mục</b>	<b>01-04</b>
1. Thống kê hiệu quả danh mục	04
2. Top 10 cổ phiếu trong danh mục chính có hiệu suất nổi bật	04
<b>II. Cập nhật Danh mục chính</b>	<b>05-29</b>
1. Danh mục THẬN TRỌNG	05
2. Danh mục CÂN BẰNG	07
3. Danh mục TĂNG TRƯỞNG	09
4. Danh mục MIDCAP	11
5. Danh mục SMALLCAP	12
6. Điểm nhấn doanh nghiệp	13
<b>III. Cập nhật Danh mục chủ đề</b>	<b>30-32</b>
1. Cổ tức tiền mặt	31
2. Đầu tư công	31
3. P/B<1	31
4. BĐS dân dụng & khu công nghiệp	32
<b>IV. Giới thiệu về smartPortfolio</b>	<b>33-36</b>
1. Tổng quan về smartPortfolio	33
2. Phương pháp xây dựng danh mục đầu tư	34
3. Diễn giải	36





“Chúng tôi khuyến nghị cơ hội đầu tư đối với các cổ phiếu đang thu hút được dòng tiền như: Bất động sản, Ngân hàng, Chứng khoán, Thép, v.v... nhà đầu tư có thể xem xét để giải ngân mới hoặc cơ cấu danh mục.”

Thị trường trong nước lần thứ 5 quay lại vùng cân tâm lý trong vòng 6 tháng qua. Mức tăng tập trung ở nhóm cổ phiếu trong rổ VN30. Dòng tiền lan tỏa rộng khắp ở các nhóm ngành, nổi bật nhất là nhóm cổ phiếu ngân hàng, chứng khoán, bất động sản, v.v...

Hiện tại, chỉ số VN-Index đang trong mô hình tăng tiếp diễn và ở cận trên của mô hình tam giác hướng lên, các phiên rung lắc ở vùng 1.29x không đáng ngại khi dòng tiền lớn đang quay trở lại. Chỉ số VN30 đã vượt đỉnh tháng 6 thành công (tương ứng với Vn-Index ở 1.301,51 điểm) nhờ lực đẩy từ nhóm cổ phiếu ngân hàng và hiện đang ở mức cao nhất kể từ tháng 5/2022. Theo đó, xác suất để chỉ số Vn-Index vượt ngưỡng 1.300 điểm đang được đánh giá cao trong kịch bản cơ sở để hướng tới mục tiêu ngắn hạn ở vùng 1.330 điểm.

## TỔNG QUAN DANH MỤC ĐẦU TƯ Tháng 10/2024

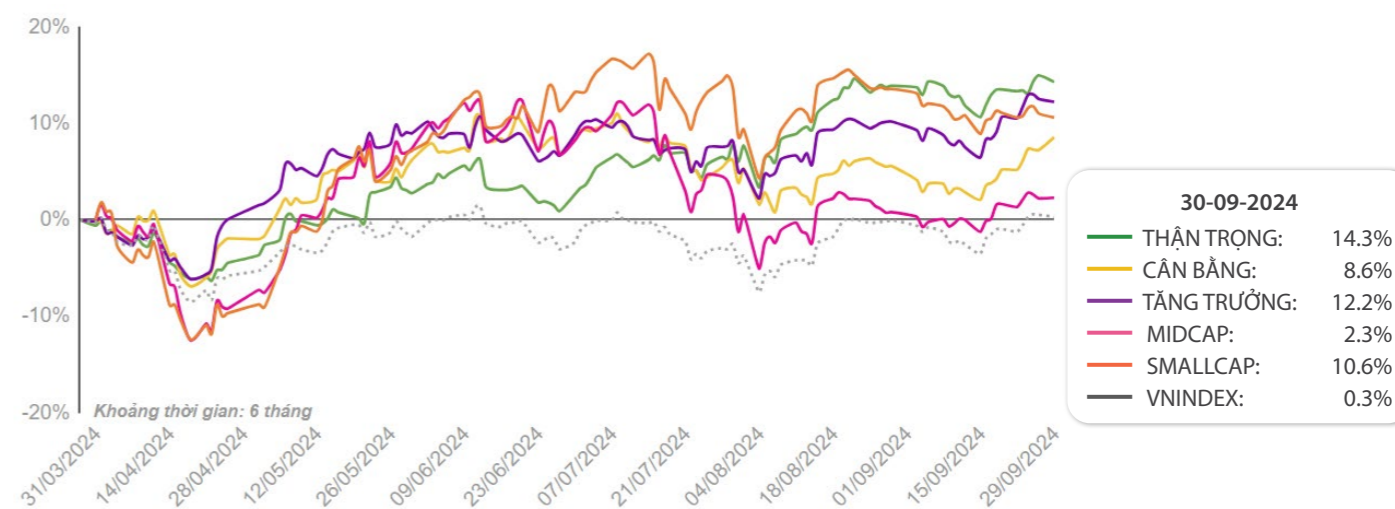
### Tối ưu hóa danh mục đầu tư cùng smartPortfolio: Bắt nhịp thị trường với những cơ hội mới

Thị trường chứng khoán luôn biến động không ngừng. Để nắm bắt cơ hội và tối đa hóa lợi nhuận, việc điều chỉnh danh mục đầu tư là điều cần thiết. Đội ngũ chuyên gia của chúng tôi đã tiến hành phân tích sâu rộng các yếu tố kinh tế vĩ mô, diễn biến ngành và tiềm năng của từng doanh nghiệp để đưa ra những gợi ý đầu tư phù hợp nhất với từng khách hàng.

Với smartPortfolio, danh mục đầu tư của bạn sẽ được cá nhân hóa tối đa, giúp bạn tự tin hơn trên hành trình đầu tư. Ở kỳ ấn phẩm này, chúng tôi đề xuất những thay đổi sau cho danh mục đầu tư smartPortfolio như sau:

✓ Danh mục **CÂN BẰNG**: Chúng tôi thay thế **MWG** bằng **HCM**

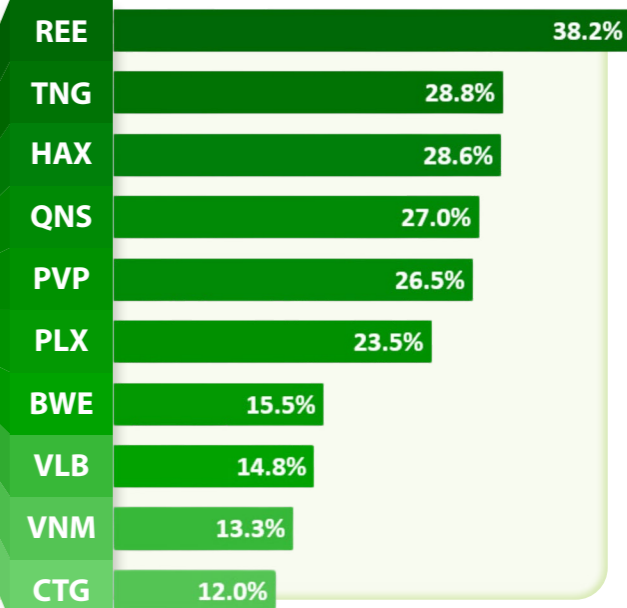
### HIỆU QUẢ DANH MỤC ĐẦU TƯ



### THỐNG KÊ HIỆU QUẢ DANH MỤC THEO THỜI GIAN

Danh mục	1M	3M	6M	12M	YTD
<b>THẬN TRỌNG</b>	0.4%	13.3%	14.3%	25.8%	37.4%
<b>CÂN BẰNG</b>	2.8%	1.7%	8.6%	6.6%	25.5%
<b>TĂNG TRƯỞNG</b>	1.9%	5.2%	12.2%	22.5%	24.9%
<b>MIDCAP</b>	1.5%	-4.2%	-	-	2.3%
<b>SMALLCAP</b>	-2.6%	-0.6%	-	-	10.6%
<b>VNINDEX</b>	0.3%	3.4%	0.3%	11.6%	14.0%

### TOP 10 cổ phiếu trong danh mục chính có Hiệu suất nổi bật



## CẬP NHẬT DANH MỤC CHÍNH

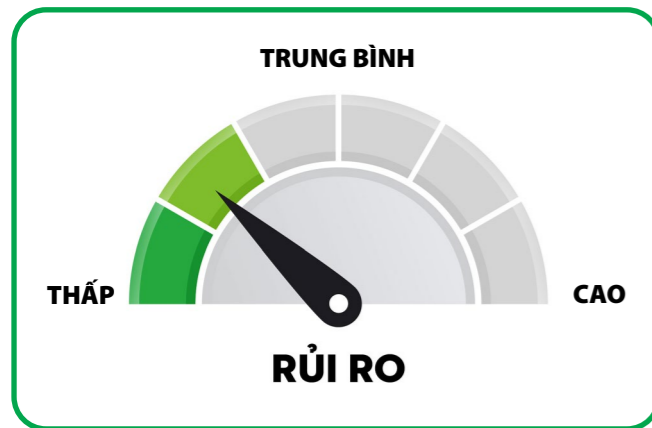
### DANH MỤC THẬN TRỌNG

- ✓ Danh mục tập trung vào những công ty có nền tảng hoạt động ổn định & quản trị minh bạch, trả cổ tức cao và đều đặn, tiềm năng ngành tăng trưởng tốt, định giá thấp so với các yếu tố cơ bản.
- ✓ Danh mục này phù hợp với nhà đầu tư thận trọng, có mức độ chịu rủi ro thấp và thời gian đầu tư dài hạn. Tỷ suất sinh lời kỳ vọng 8-10%/năm.
- ✓ Danh mục có thể kết hợp đầu tư khoản thu nhập cố định như Trái phiếu.

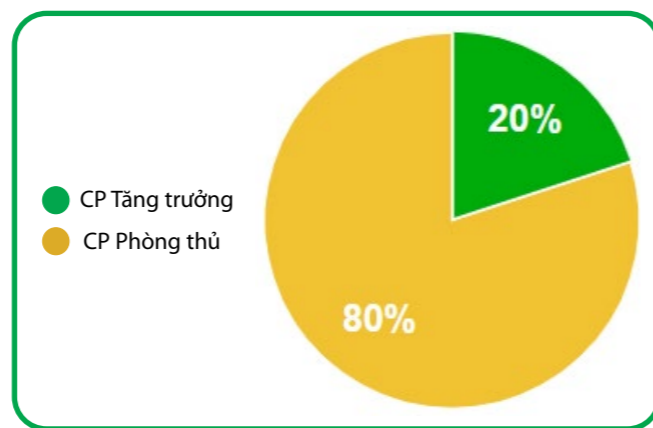
Tỷ suất cổ tức  
**>7%**

Tỷ suất sinh lời kỳ vọng  
**8-10%**

### RỦI RO DANH MỤC



### TỶ TRỌNG DANH MỤC



### DANH MỤC THẬN TRỌNG

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	Tỷ trọng	P/E	P/B
CTG	●	Ngân hàng	41.5	36.95	12.3%	34.5 - 36	20%	9.7	1.5
PLX	●	Dầu khí	51.5	44.5	15.7%	40 - 43.5	20%	15.6	2.0
QNS	●	Mía đường	51.8	48.5	6.8%	44.5 - 47	20%	7.5	2.1
REE	●	Điện	71.3	66.6	7.1%	60 - 62.5	20%	17.6	1.5
VNM	●	Thực phẩm	86.5	70.1	23.4%	67 - 69.5	20%	15.2	4.1

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 30/09/2024

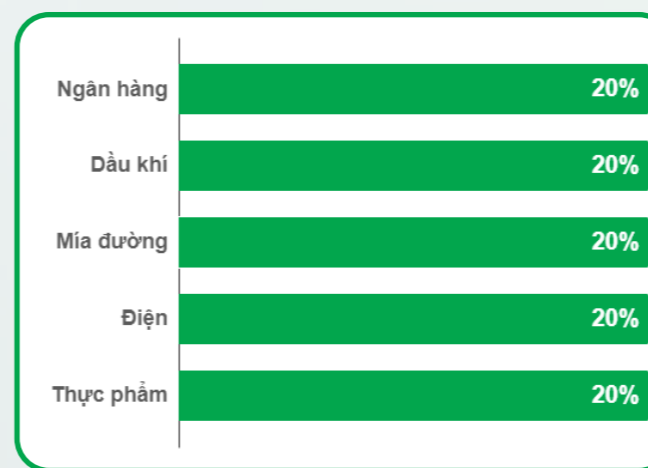
\*Đơn vị: nghìn đồng

Chú thích Phân loại cổ phiếu:

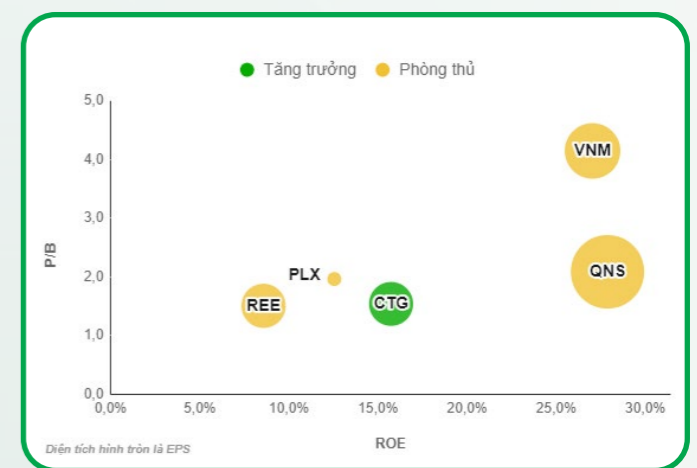
● Cổ phiếu Tăng trưởng ● Cổ phiếu Phòng thủ - Đang cập nhật phân loại

Giá mục tiêu\*2xx,x (màu lục) là giá mục tiêu của phân tích kỹ thuật

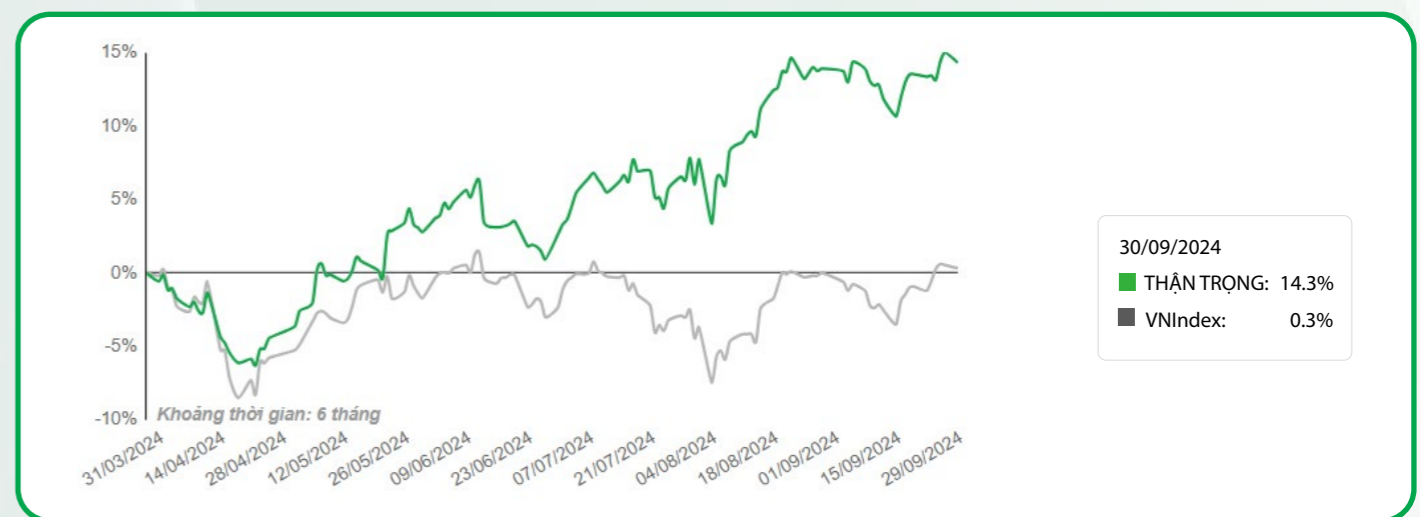
### PHÂN BỐ THEO NGÀNH



### TƯƠNG QUAN GIỮA ROE VÀ P/B



### HIỆU SUẤT DANH MỤC THẬN TRỌNG



### DANH SÁCH CỔ PHIẾU CHỜ CHO DANH MỤC THẬN TRỌNG

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	P/E	P/B	EPS
ACB	●	Ngân hàng	27.4	25.75	6.4%	24.5 - 25.4	7.0	1.6	3,676
BMI	-	Bảo hiểm	26.0	22.75	14.3%	21.7 - 22.4	8.3	1.0	2,749
BWE	-	Nước	50.0	45.4	10.1%	42 - 44	16.0	2.0	2,885
KBC	-	BĐS Khu công nghiệp	41.6	28.2	47.5%	27.1 - 27.8	92.0	1.1	306
SIP	●	BĐS Khu công nghiệp	101.6	71.4	42.3%	65 - 69	14.0	3.6	5,117

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 30/09/2024

\*Đơn vị: nghìn đồng



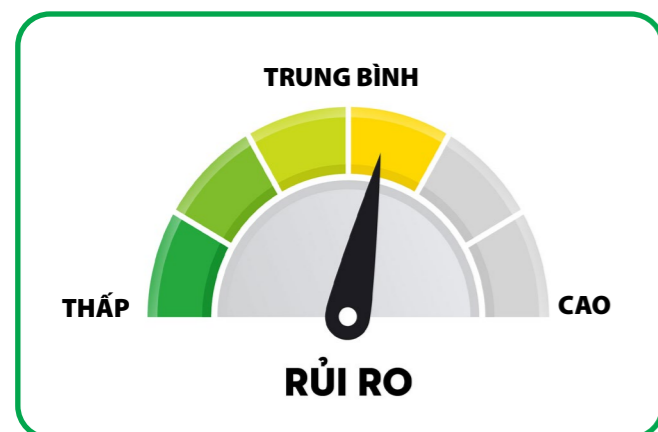
## DANH MỤC CÂN BẰNG

- ✓ Danh mục này phù hợp với nhà đầu tư tương đối thận trọng, có mức độ chịu rủi ro TRUNG BÌNH và đầu tư trung/dài hạn và mong muốn tỷ suất sinh lợi tốt hơn lãi suất cố định.
- ✓ Tỷ suất sinh lời kỳ vọng 10-15%/năm.
- ✓ Danh mục có thể kết hợp 50% cp phòng thủ & 50% cp tăng trưởng.

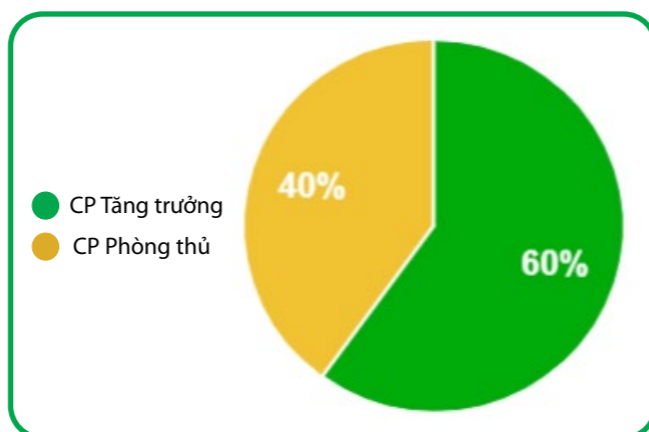
Tỷ suất cổ tức  
**>5%**

Tỷ suất sinh lời kỳ vọng  
**10-15%**

### RỦI RO DANH MỤC



### TỶ TRỌNG DANH MỤC



## DANH MỤC CÂN BẰNG

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	Tỷ trọng	P/E	P/B
HCM	●	Chứng khoán	35	30.95	13.1%	27.5 - 29.8	20%	25.2	2.5
HPG	●	Thép	33.9	26.35	29.0%	25 - 25.8	20%	15.1	1.6
PHR	●	BĐS Khu công nghiệp	71	60	16.7%	55 - 57	20%	19.6	2.1
QNS	●	Mía đường	55.8	48.5	6.8%	44.5 - 47	20%	7.5	2.1
VPB	●	Ngân hàng	23.1	20.1	14.9%	19 - 19.6	20%	13.5	1.2

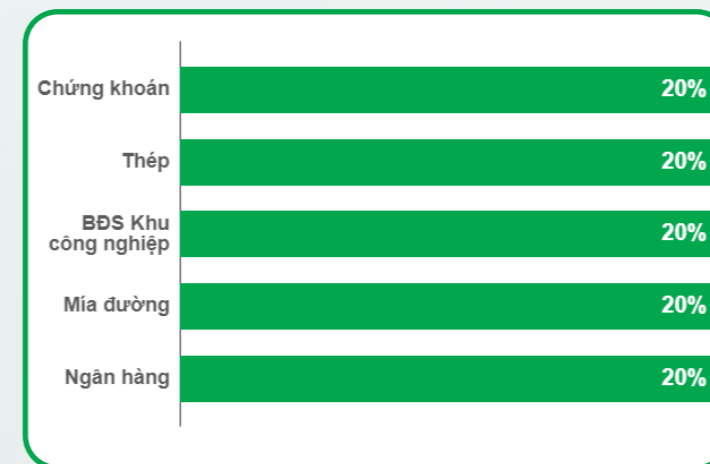
Chú thích Phân loại cổ phiếu:

● Cổ phiếu Tăng trưởng ● Cổ phiếu Phòng thủ - Đang cập nhật phân loại

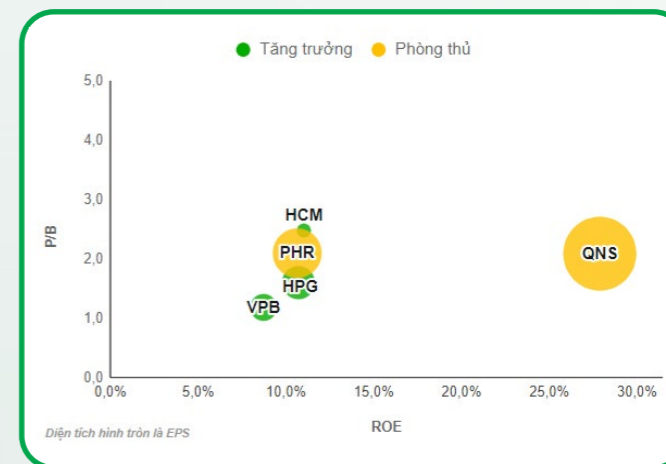
Giá mục tiêu\* 2xx,x (màu lục) là giá mục tiêu của phân tích kỹ thuật

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 30/09/2024  
\*Đơn vị: nghìn đồng

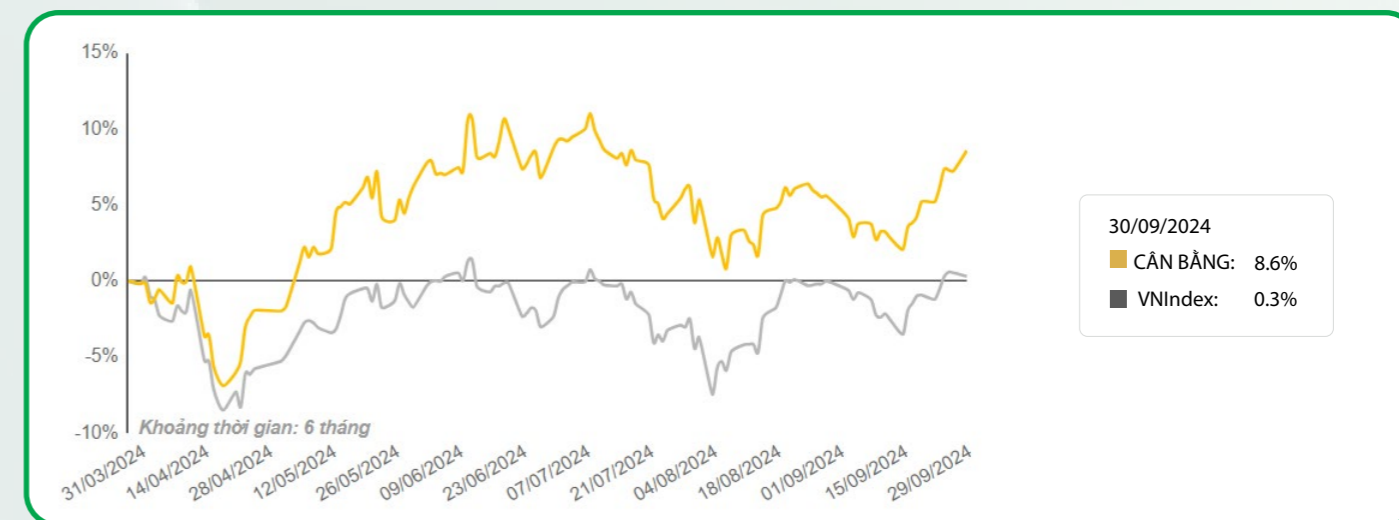
## PHÂN BỐ THEO NGÀNH (%)



## TƯƠNG QUAN GIỮA ROE VÀ P/B



## HIỆU SUẤT DANH MỤC CÂN BẰNG



## DANH SÁCH CỔ PHIẾU CHỜ CHO DANH MỤC CÂN BẰNG

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	P/E	P/B	EPS
CTG	●	Ngân hàng	41.5	36.95	12.3%	34.5 - 36	9.7	1.5	3,782
GAS	●	Dầu khí	80	73.2	9.3%	69.5 - 71.5	15.7	2.6	4,667
LHG	●	BĐS Khu công nghiệp	59	36.8	60.3%	35.5 - 37	9.6	1.2	3,857
MBB	-	Ngân hàng	26.8	25.7	4.3%	24 - 25.3	6.4	1.4	4,018
TCB	●	Ngân hàng	28.9	24.2	19.4%	22 - 23.5	7.9	1.3	3,047

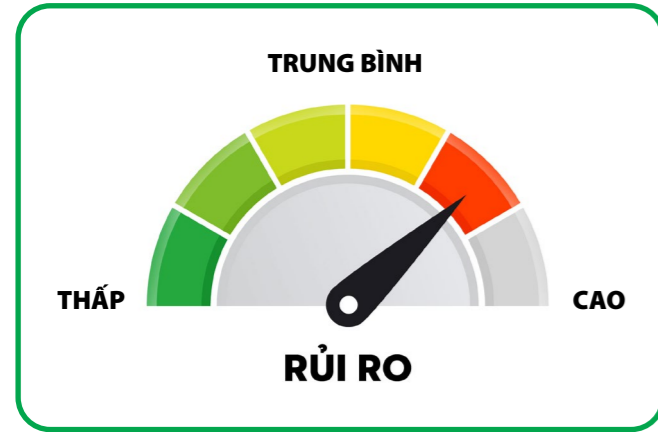
Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 30/09/2024  
\*Đơn vị: nghìn đồng

## DANH MỤC TĂNG TRƯỞNG

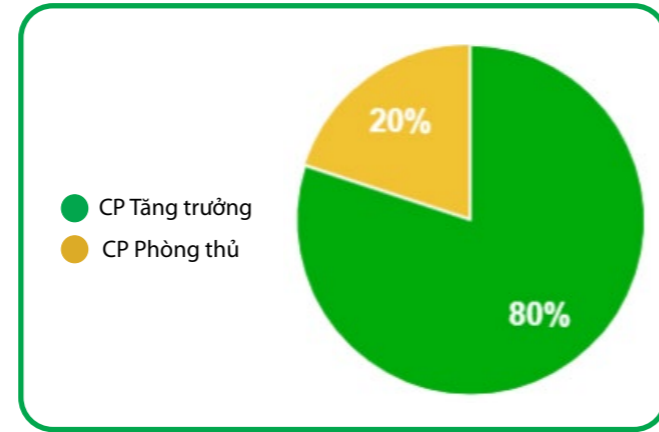
- ✓ Danh mục linh hoạt, tập trung vào cổ phiếu có tính thanh khoản cao và nền tảng doanh nghiệp tốt.
- ✓ Danh mục được xây dựng cho nhà đầu tư năng động, ưa thích các hoạt động giao dịch nhanh và thường xuyên theo dõi biến động thị trường.
- ✓ Khẩu vị rủi ro ở mức cao và kỳ vọng thu lại lợi nhuận vượt trội so với bình quân thị trường, lợi nhuận kỳ vọng 22% - 25%/năm.

Tỷ suất sinh lời kỳ vọng  
**22-25%**

## RỦI RO DANH MỤC



## TỶ TRỌNG DANH MỤC



## DANH MỤC TĂNG TRƯỞNG

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	Tỷ trọng	P/E	P/B
ACB	●	Ngân hàng	27.4	25.75	6.4%	24.5 - 25.4	20%	7.0	1.6
CTG	●	Ngân hàng	41.5	36.95	12.3%	34.5 - 36	20%	9.7	1.5
KBC	●	BĐS Khu công nghiệp	41.6	28.2	47.5%	27.1 - 27.8	20%	92.0	1.1
KDH	●	BĐS Dân cư	46.5	38.9	19.5%	37 - 38.5	20%	57.7	2.3
MSN	●	Thực phẩm	85.6	75.7	13.1%	70 - 73	20%	162.8	2.8

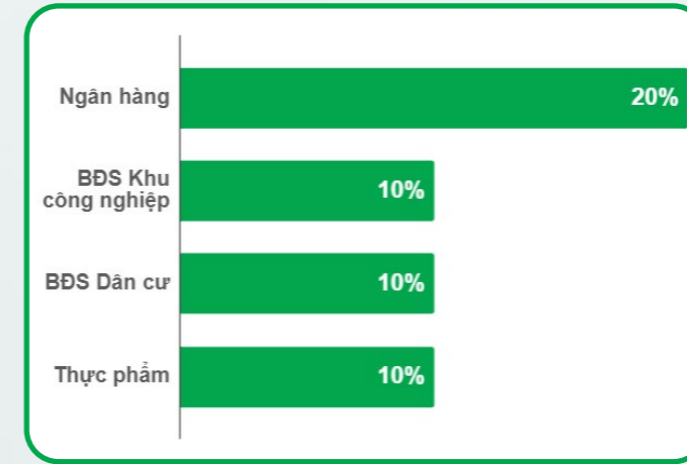
Chú thích Phân loại cổ phiếu:

● Cổ phiếu Tăng trưởng ● Cổ phiếu Phòng thủ - Đang cập nhật phân loại

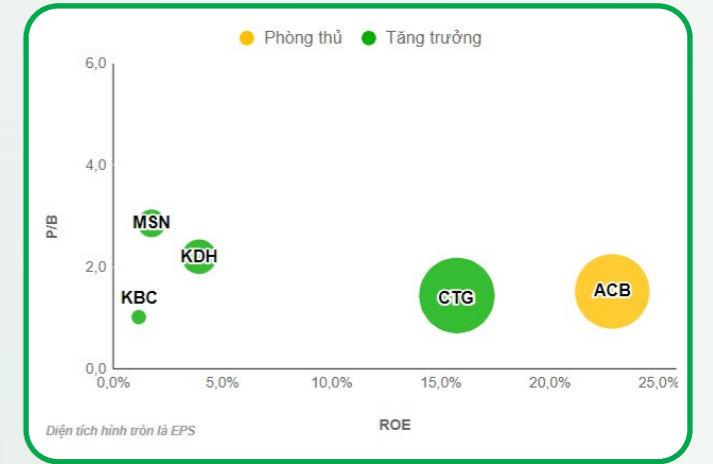
Giá mục tiêu\* 2xx,x (màu lục) là giá mục tiêu của phân tích kỹ thuật

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 30/09/2024  
\*Đơn vị: nghìn đồng

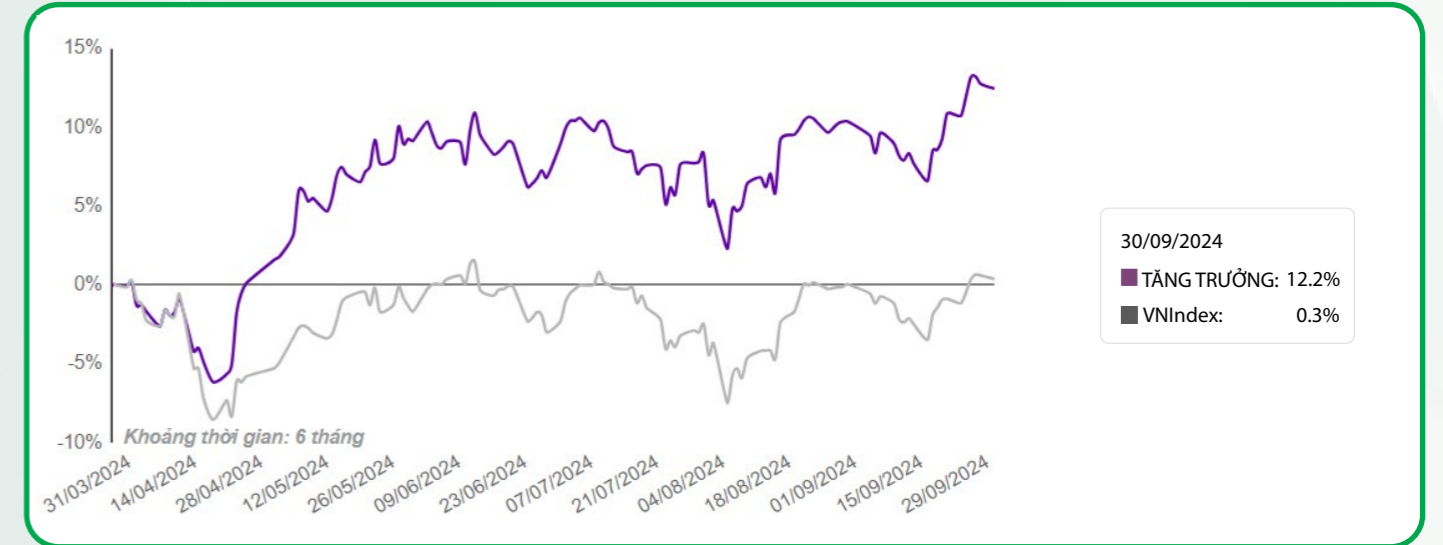
## PHÂN BỐ THEO NGÀNH (%)



## TƯƠNG QUAN GIỮA ROE VÀ P/B



## HIỆU SUẤT DANH MỤC TĂNG TRƯỞNG



## DANH SÁCH CỔ PHIẾU CHỜ CHO DANH MỤC TĂNG TRƯỞNG

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	P/E	P/B	EPS
BSR	-	Dầu khí	28	24.1	16.2%	21.5 - 23	9.9	1.3	2,403
HAH	●	Cảng - Vận tải	50.4	40.65	24.0%	38 - 39.5	14.7	1.5	2,791
HDG	-	BĐS Dân cư	28.3	27.95	1.3%	26 - 27.5	14.2	1.3	1,989
NLG	-	BĐS Dân cư	43.9	41.55	5.7%	37.5 - 40	37.1	1.2	1,102
PVD	●	Dầu khí	33.2	27.7	19.9%	25 - 26.5	23.7	1.0	1,150

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 30/09/2024  
\*Đơn vị: nghìn đồng

## DANH MỤC MIDCAP

- ✓ Danh mục đầu tư Midcap tập trung vào các cổ phiếu vốn hóa vừa, thường có vốn hóa thị trường từ 5,000 – 15,000 tỷ đồng. Các cổ phiếu Midcap có tiềm năng tăng trưởng cao hơn các công ty Largecap vì chúng có nhiều dư địa phát triển hơn. Tuy nhiên, Midcap cũng đi kèm với rủi ro cao hơn Largecap vì các công ty này thường ít ổn định hơn và dễ bị ảnh hưởng bởi biến động thị trường.
- ✓ Midcap là một lựa chọn đầu tư hấp dẫn cho nhà đầu tư có khẩu vị rủi ro cao và muốn kiếm lợi nhuận cao

### DANH MỤC MIDCAP

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	P/E	P/B	EPS
BAF	-	Chăn nuôi	23.5	21.45	9.6%	19 - 20.4	31.20	2.5	678
BWE	●	Nước	50	45.4	10.1%	42 - 44	16.0	2.0	2,885
CTD	●	Xây dựng	78	63.8	22.3%	61.5 - 63.5	21.5	0.8	2,996
HDG	-	BDS Dân cư	28.3	27.95	1.3%	26 - 27.5	14.2	1.3	1,989
HSG	●	Thép	23.5	21.3	10.3%	19.5 - 20.5	11.6	1.2	1,841
IJC	-	BDS Dân cư	15.8	13.7	15.3%	12.6 - 13.3	20.0	1.2	683
PC1	●	Xây dựng	31.8	29	9.7%	25 - 27	32.5	1.2	892
PVT	●	Cảng - Vận tải	30.7	27.95	9.8%	25 - 26.5	10.1	1.1	2,802
QTP	●	Điện	15.6	14.4	8.3%	12 - 13.3	10.5	1.2	1,354
SCS	●	Hàng không - Du lịch	95.6	79	21.0%	74 - 78	13.7	5.8	5,807
SZC	●	BDS Khu công nghiệp	41	37.65	8.9%	34 - 36	24.2	2.9	1,547

Chú thích Phân loại cổ phiếu:

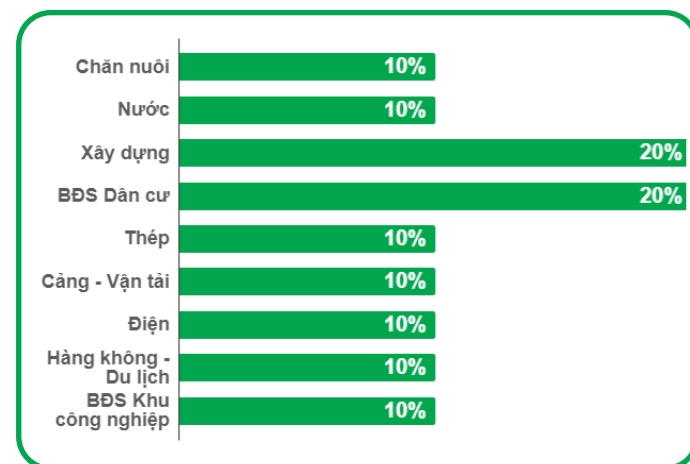
- Cổ phiếu Tăng trưởng ● Cổ phiếu Phòng thủ - Đang cập nhật phân loại

Giá mục tiêu\*2xx,x (màu lục) là giá mục tiêu của phân tích kỹ thuật

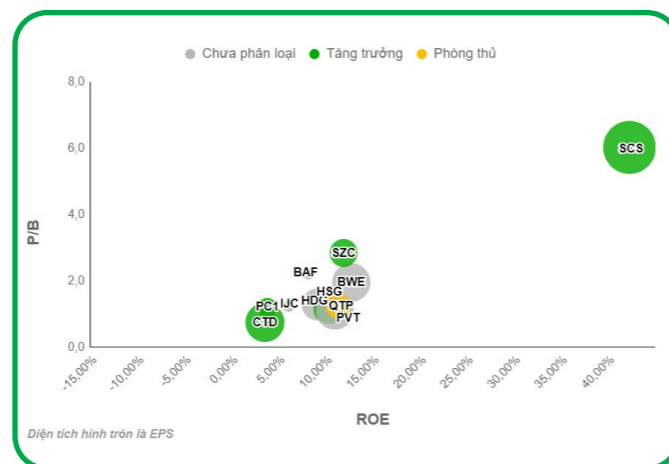
Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 30/09/2024

\*Đơn vị: nghìn đồng

### PHÂN BỐ THEO NGÀNH (%)



### TƯƠNG QUAN GIỮA ROE VÀ P/B



## DANH MỤC SMALLCAP

- ✓ Danh mục đầu tư Smallcap tập trung vào các cổ phiếu vốn hóa nhỏ, thường có vốn hóa thị trường dưới 5,000 tỷ đồng. Mục tiêu của danh mục nhằm tìm kiếm cơ hội đầu tư vào những "ngôi sao tương lai" giúp nhà đầu tư sớm phát hiện những công ty tiềm năng trước khi chúng trở nên nổi tiếng và tăng giá mạnh.
- ✓ Các cổ phiếu Smallcap thường biến động mạnh hơn so với các cổ phiếu vốn hóa lớn, dễ bị ảnh hưởng bởi biến động thị trường, tin tức. Danh mục phù hợp với nhà đầu tư có khẩu vị rủi ro cao, chấp nhận rủi ro cao để kiếm lợi nhuận đột phá.

### DANH MỤC SMALLCAP

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	P/E	P/B	EPS
CTI	-	Xây dựng	17.8	15.25	16.7%	14 - 15	10.6	0.6	1,455
DHC	●	Giấy	41.5	37.15	11.7%	34 - 36	12.1	1.6	3,067
DRC	●	Ô tô - Phụ tùng	35	31.6	10.8%	27.5 - 29	12.6	2.0	2,510
HAH	●	Cảng - Vận tải	50.4	40.65	24.0%	38 - 39.5	14.7	1.5	2,791
HAX	●	Ô tô - Phụ tùng	18.5	16.85	9.8%	14 - 15	30.5	1.5	551
ITC	-	BDS Dân cư	14.0	11.2	25.0%	10 - 11	13.9	0.5	812
LHG	●	BDS Khu công nghiệp	59	36.8	60.3%	35.5 - 37	9.6	1.2	3,857
PVP	●	Cảng - Vận tải	19	16.15	17.6%	15 - 15.8	8.9	1.0	1,853
TNG	●	Dệt may	30.0	26.4	13.6%	23 - 24.5	12.5	1.7	2,074
VLB	●	Cát, Đá	45	39.6	13.6%	36 - 38	10.2	2.9	3,884

Chú thích Phân loại cổ phiếu:

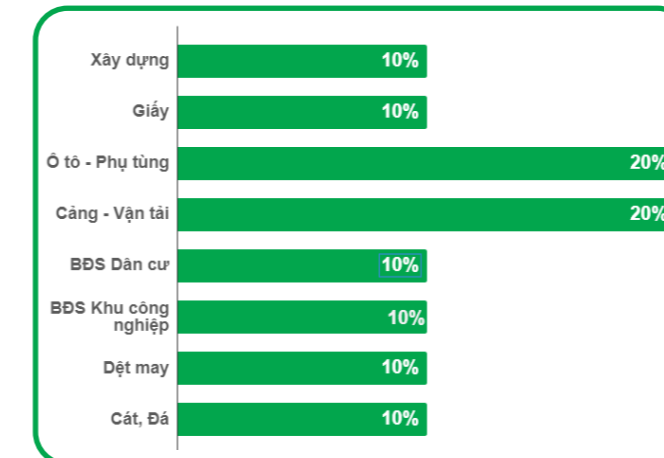
- Cổ phiếu Tăng trưởng ● Cổ phiếu Phòng thủ - Đang cập nhật phân loại

Giá mục tiêu\*2xx,x (màu lục) là giá mục tiêu của phân tích kỹ thuật

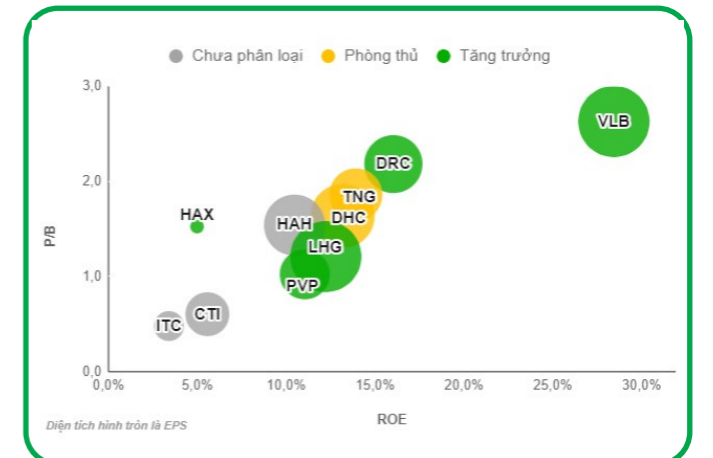
Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 30/09/2024

\*Đơn vị: nghìn đồng

### PHÂN BỐ THEO NGÀNH (%)

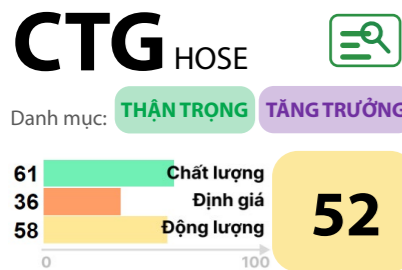


### TƯƠNG QUAN GIỮA ROE VÀ P/B





## ĐIỂM NHẤN DOANH NGHIỆP



Giá mục tiêu:	41,500
Giá hiện tại:	36,950
Lợi nhuận kỳ vọng:	12.3%
Vùng mua:	34,500 - 36,000

+/- Doanh thu (Q2/24):	10.5%
+/- LNST (Q2/24):	3.1%
EPS:	3,782
ROE:	15.7%

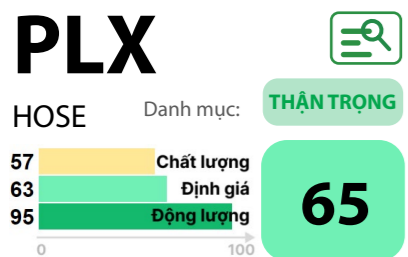
LNTT 1H-2024 tăng nhẹ 3% YoY mặc dù tổng thu nhập từ hoạt động cốt lõi (loại trừ lãi thuần từ hoạt động khác) tăng trưởng 15% YoY do chi phí trích lập tăng cao 20% YoY sau khi phát sinh khoản nợ xấu lớn trong Q2-2024 (nợ xấu hình thành ròng tăng gần 15 nghìn tỷ trong kỳ). Điểm tích cực là khoản nợ xấu này đã được kiểm soát và đưa về nhóm nợ tiêu chuẩn trong tháng 7.

Chúng tôi điều chỉnh dự phóng LNTT năm 2024 tăng 3% lên 29,5 nghìn tỷ đồng (+18,2% YoY) dựa trên kỳ vọng về giảm áp lực trích lập dự phòng sau khi chất lượng tài sản của CTG có các tín hiệu khả quan như nợ nhóm 2 và tỷ lệ nợ xấu hình thành ròng điều chỉnh giảm trong Q2-2024.

Chúng tôi nhận thấy CTG có khá nhiều động lực để tăng

trưởng mạnh mẽ trong nửa cuối năm 2024 như triển vọng tăng trưởng tín dụng so với cùng kỳ (phần lớn tín dụng trong năm 2023 được giải ngân vào thời điểm cuối năm trong khi tín dụng năm nay tăng trưởng tương đối ổn định qua các tháng), kiểm soát hiệu quả hơn chi phí hoạt động, thu hồi nợ xấu, và áp lực chi phí tín dụng giảm. Dự phóng LNTT hiện tại đang hàm ý mức tăng trưởng cho LNTT 2H-2024 vào khoảng 32% YoY.

**"CTG có nhiều động lực tăng trưởng mạnh trong cuối 2024, nhờ tăng trưởng tín dụng ổn định, kiểm soát chi phí hiệu quả, thu hồi nợ xấu, và giảm áp lực chi phí tín dụng."**



Giá mục tiêu:	51,500
Giá hiện tại:	44,500
Lợi nhuận kỳ vọng:	15.7%
Vùng mua:	40,000 - 43,500

+/- Doanh thu (Q2/24):	12.3%
+/- LNST (Q2/24):	47.5%
EPS:	2,874
ROE:	12.6%

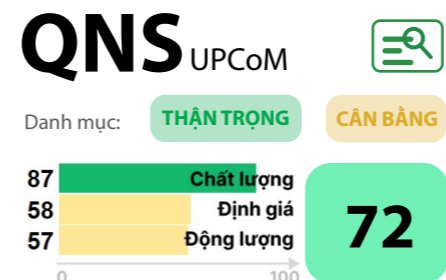
Trong Q2/2024, doanh thu thuần: 73.837 tỷ đồng (+12,3% yoy). LNST: 1.199 tỷ (+47,5% yoy). KQKD tăng trưởng mạnh với động lực chính đến từ giá bán xăng dầu trung bình tăng 8% yoy theo xu hướng tăng của giá dầu thế giới (+14% yoy) và sản lượng dầu DO tiêu thụ chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu sản lượng xăng dầu xuất bán khi giá bán dầu DO lại có mức tăng cao nhất (10% yoy) trong các sản phẩm, biên lợi nhuận gộp tăng từ 5,9% lên 6,3% và thu nhập khác 121 tỷ đồng.

Biên lợi nhuận cải thiện khi chi phí định mức được cải thiện từ tháng 7/2024. Trong kỳ điều chỉnh giá ngày 4/7/2024, trước diễn biến giá xăng dầu thế giới biến động tăng, Bộ Công Thương và Bộ Tài chính đã điều chỉnh tăng chi phí

kinh doanh định mức áp dụng trong giá cơ sở xăng dầu, nhằm bảo đảm biến động giá xăng dầu trong nước phù hợp với biến động giá xăng dầu thế giới.

Những điểm mới của Dự thảo Nghị định (số 3) thay thế Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu và các Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 83/2014/NĐ-CP có tác động tích cực đối với các thương nhân kinh doanh và phân phối xăng dầu như PLX.

**"KQKD tăng trưởng mạnh do giá bán xăng dầu tăng theo xu hướng thế giới."**



Giá mục tiêu:	51,800
Giá hiện tại:	48,500
Lợi nhuận kỳ vọng:	6.8%
Vùng mua:	44,500 - 47,000

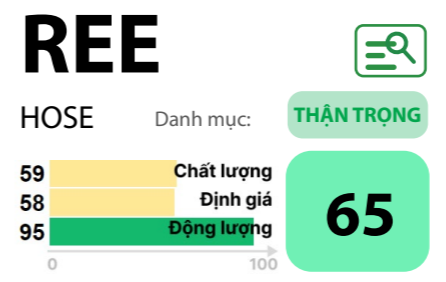
+/- Doanh thu (Q2/24):	-10.5%
+/- LNST (Q2/24):	-3.1%
EPS:	6,481
ROE:	27.9%

Doanh thu thuần Q2/2024 đạt 2.820 tỷ đồng (+11,8% QoQ, -10,5% YoY), cụ thể: Mảng đường ghi nhận 1.060 tỷ đồng (-28,1% YoY), chủ yếu do sự sụt giảm mạnh về sản lượng đầu ra, đạt 57 nghìn tấn giảm -32,1% YoY so với quý 2 kỷ lục năm ngoái (84 nghìn tấn). Mảng sữa đậu nành ghi nhận 1.185 tỷ đồng (+2,0% YoY), với sản lượng sữa tăng 7,4% YoY đạt 57 triệu lít, ngược dòng so với mức giảm của giá trị ngành sữa Việt Nam (-2,2% YoY theo AC Nielsen).

Lợi nhuận sau thuế Cty mẹ đạt 690 tỷ đồng (+29,8% QoQ, -3,1% YoY), tương đương biên LNST đạt 24,5% (+340 bps QoQ, +188 bps YoY), chủ yếu do biên lợi nhuận gộp tốt hơn ở mảng Đường đạt 34,9% (+865 bps YoY), khi giá đường vẫn neo ở mức cao kể từ Q3-2023. Ngược lại, mảng

Sữa đậu nành ghi nhận giảm 220 bps YoY, tương đương 38,0%, do ảnh hưởng từ việc hạ giá bán đầu ra (như để cập trên) đi kèm tỷ giá tăng trong quý (70% nguyên liệu đậu nành được QNS nhập khẩu từ Canada), trong khi QNS đã chốt nguyên vật liệu từ tháng 3 nên Công ty cũng chưa hưởng lợi nhiều từ xu hướng giảm giá đầu vào đậu nành.

**"Doanh thu thuần và LNST Q2, 2024 đều ghi nhận giảm chủ yếu do giảm mạnh về sản lượng đầu ra và chịu áp lực về tỷ giá trong quý."**



Giá mục tiêu:	71,300
Giá hiện tại:	66,600
Lợi nhuận kỳ vọng:	7.1%
Vùng mua:	60,000 - 62,500

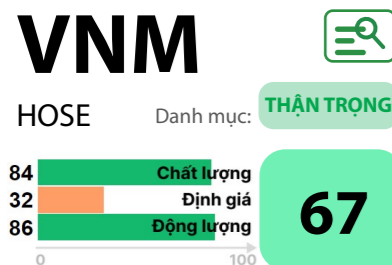
+/- Doanh thu (Q2/24):	0.3%
+/- LNST (Q2/24):	-27.4%
EPS:	3,798
ROE:	8.6%

REE công bố KQKD Q2/2024 yếu với doanh thu đi ngang đạt 2.183 tỷ đồng và LNST 355 tỷ đồng (-27.4% YoY). Nguyên nhân chính tới từ KQKD kém của mảng điện, vốn dĩ là mảng kinh doanh lõi (đóng góp 40% doanh thu và 80% LNST), khiến cho các mảng khác như cơ điện lạnh và BĐS dù ghi nhận tăng trưởng doanh thu nhưng không đủ bù đắp.

Chúng tôi cho rằng Q2/2024 là thời điểm REE ghi nhận KQKD tiêu cực nhất. Bước sang Q3 và Q4, LNST của REE sẽ phục hồi nhờ (1) đóng góp nhiều hơn của mảng BĐS và (2) chu kỳ thủy điện của REE rơi vào Q3 và đặc biệt là Q4. Chúng tôi dự báo doanh thu và LNST cả năm 2024F

đạt lần lượt 8.509 tỷ đồng (-1% YoY) và 2.021 tỷ đồng (-8% YoY). Nhìn xa hơn trong năm 2025, chúng tôi cho rằng KQKD REE sẽ tăng trưởng trở lại khi (1) Sản lượng thủy điện phục hồi nhờ chu kỳ La Nina và (2) Tỷ lệ lấp đầy cao hơn của tòa nhà Etown 6.

**"Ghi nhận Doanh thu đi ngang do KQKD kém của mảng điện. Tuy nhiên, nửa cuối 2024, kỳ vọng sẽ phục hồi nhờ mảng BĐS và sự trở lại của chu kỳ thủy điện."**



Giá mục tiêu:	86,500	+/- Doanh thu (Q2/24):	9.6%
Giá hiện tại:	70,100	+/- LNST (Q2/24):	21.5%
Lợi nhuận kỳ vọng:	23.4%	EPS:	4,633
Vùng mua:	67,000 - 69,500	ROE:	27.0%

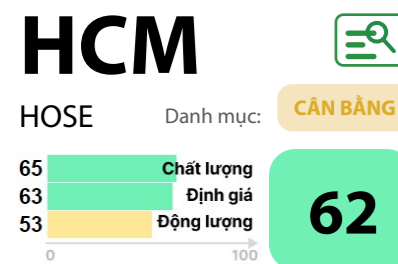
KQKD Q2/2024 của VNM tích cực với doanh thu thuần tăng 10% so với cùng kỳ đạt 16.656 tỷ đồng. Đây là quý có doanh thu cao nhất từ trước đến nay của VNM. Lợi nhuận thuần tăng mạnh hơn doanh thu, tăng 21% so với cùng kỳ đạt 2.670 tỷ đồng. Lũy kế nửa đầu năm 2024, doanh thu thuần và lợi nhuận thuần tăng lần lượt 6% và 20% so với cùng kỳ đạt 30.768 tỷ đồng và 4.865 tỷ đồng.

Trong Q2/2024, doanh thu trong nước của VNM tăng 6% so với cùng kỳ đạt 13.532 tỷ đồng. Trong đó, doanh thu trong nước của công ty mẹ tăng 4% so với cùng kỳ lên 11.850 tỷ đồng. Mức tăng của doanh thu trong nước đóng góp 51% vào mức tăng doanh thu thuần 1.461 tỷ đồng của VNM. Doanh thu xuất khẩu tăng mạnh 37% so với

cùng kỳ lên 1.740 tỷ đồng, nhờ một số đối thủ cạnh tranh rút khỏi thị trường Iraq. Mức tăng doanh thu xuất khẩu đóng góp 32% vào mức tăng doanh thu thuần 1.461 tỷ đồng của VNM trong Q2/2024.

Chúng tôi tin rằng VNM có thể duy trì mức tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận thuần cao trong nửa cuối năm 2024, nhờ vào chiến dịch thay đổi bộ nhận diện thương hiệu ở mảng sữa chua và sữa bột cũng như tăng cường đầu tư vào việc xây dựng thương hiệu và việc tiếp tục tái cấu trúc sản phẩm.

**"Kỳ vọng duy trì tăng trưởng trong nửa cuối 2024 nhờ thay đổi nhận diện và tái cấu trúc sản phẩm."**



Giá mục tiêu:	35,000	+/- Doanh thu (Q2/24):	86.1%
Giá hiện tại:	30,950	+/- LNST (Q2/24):	99.3%
Lợi nhuận kỳ vọng:	13.1%	EPS:	1,227
Vùng mua:	27,500 - 29,800	ROE:	11.0%

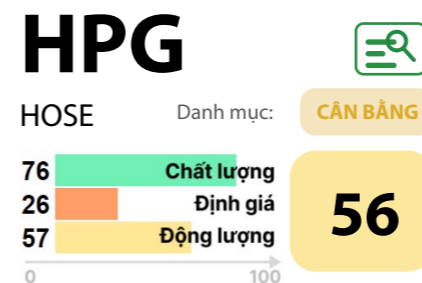
Trong Q2/2024, công ty đã đạt được kết quả tích cực với doanh thu và LNST lần lượt đạt 1.094 tỷ đồng và 313,3 tỷ đồng tăng 86,1% và +99,3% svck (+26,7% và +13,2% so với quý trước). Đà tăng trưởng đến từ tất cả các mảng kinh doanh chính, trong đó mảng tự doanh và mảng IB có doanh thu tăng trưởng mạnh nhất, tăng trưởng 88,5% svck và 7.557% svck.

Sau giai đoạn chậm mở rộng quy mô vốn và tập trung vào nhóm khách hàng tổ chức mà chủ yếu là KHTCNN. Thị phần của HCM đã giảm đi đáng kể, từ 8,66% trong năm 2020 xuống 5,35% năm 2023 khi nhóm KH cá nhân tăng trưởng mạnh trong tổng giá trị giao dịch toàn thị trường. Tuy nhiên, chúng tôi nhận thấy, sau khi phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 2:1) thành công ở đầu

Q2/2024, quy mô vốn của HCM đã tăng lên đáng kể, qua đó là yếu tố giúp HCM gia tăng thị phần và khả năng tăng trưởng. Ngay trong Q2/2024, thị phần của HCM đã tăng lên 6,41% từ 5,92% quý trước và 5,35% cuối năm 2023.

Ngoài ra, khi dự thảo quy định Non-Prefunding Solution NPS (không cần ký quỹ 100% trước giao dịch) có hiệu lực, với vị thế hàng đầu trong phân khúc KHTC nước ngoài, HCM sẽ là công ty được hưởng lợi lớn nhất từ quy định mới này.

**"Trong Q2/2024, quy mô vốn của HCM tăng đáng kể, tạo điều kiện cho HCM mở rộng thị phần và thúc đẩy tăng trưởng."**



Giá mục tiêu:	34,000	+/- Doanh thu (Q2/24):	34.1%
Giá hiện tại:	26,350	+/- LNST (Q2/24):	127.3%
Lợi nhuận kỳ vọng:	29.0%	EPS:	1,746
Vùng mua:	25,000 - 25,800	ROE:	10.7%

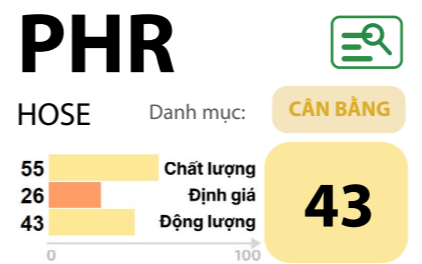
Trong Q2/2024, doanh thu của HPG đạt 39,936 tỷ đồng (+34% svck,+28% so với quý trước) nhờ sự cải thiện nhu cầu. Lợi nhuận ròng đạt 3,320 tỷ đồng (+127% svck,+16% so với quý trước); Lợi nhuận ròng nửa đầu năm 2024 tăng 238% svck.

Trong 2024, lợi nhuận ròng dự phóng đạt 11,864 tỷ đồng (+74% svck) do tăng doanh thu (+12% svck) và biên LNG (+3% svck). Kỳ vọng năm 2025-2026, với sự đóng góp của DQ2 và thuế CBPG, tổng sản lượng có thể đạt 9.9/12.5 triệu tấn (+19%/24% svck) nhờ tăng trưởng sản xuất thép HRC đạt 51%/55% svck, từ đó doanh thu tăng 24%/32% svck. Ngoài ra, giá bán tăng mạnh hơn nguyên liệu đầu vào giúp cải thiện biên LNG, có thể đạt 15.6% (+1.6đ%)

và 15.5% (-0.1đ% svck) trong năm 2025-2026. Như vậy, lợi nhuận ròng năm 2025-2026 có thể đạt 18,035/23,577 tỷ đồng (+51%/31% svck).

Chúng tôi tin rằng đây là thời điểm thích hợp để tích lũy cổ phiếu HPG cho mục tiêu dài hạn do các yếu tố tiêu cực đã phản ánh hầu hết vào giá cổ phiếu. Từ Q4/2024, chúng tôi kỳ vọng giá thép sẽ cải thiện nhờ áp lực giảm dần từ phía thép Trung Quốc. Ngoài ra, việc áp thuế CBPG và vận hành DQ2 là những điểm sáng thúc đẩy lợi nhuận ròng của HPG trong năm 2025-26.

**"Giá thép dự kiến cải thiện trong Q4/2024 nhờ giảm áp lực từ thép Trung Quốc."**



Giá mục tiêu:	70,000	+/- Doanh thu (Q2/24):	145.5%
Giá hiện tại:	60,000	+/- LNST (Q2/24):	-46.9%
Lợi nhuận kỳ vọng:	16.7%	EPS:	3,028
Vùng mua:	55,000 - 57,000	ROE:	10.6%

Quý 2/2024, PHR đạt doanh thu thuần của PHR đạt 272 tỷ đồng, tăng 145.5% so với cùng kỳ năm trước, nhưng lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ giảm 46.9% so với cùng kỳ, do không ghi nhận thu nhập từ thanh lý cây cao su như năm trước.

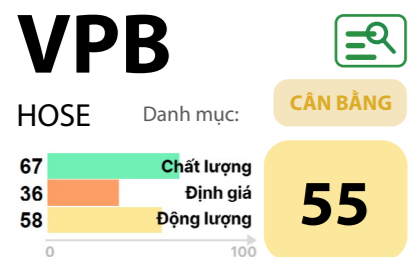
Trong nửa cuối năm, PHR dự kiến đạt doanh thu 992 tỷ đồng, (+8% YoY), LNST có đồng công ty mẹ đạt 426 tỷ đồng (+56% YoY). Các yếu tố tạo ra sự tăng trưởng trong nửa cuối năm so với cùng kỳ bao gồm (1) Giá cao su neo giữ ở mức cao so với cùng kỳ, (2) Kinh doanh dự án NTC 3 sẽ đóng góp đáng kể vào lãi (lỗ) liên doanh liên kết, (3) Thu nhập bồi thường từ VSIP III kỳ vọng tăng mạnh khi dự án hoàn tất bàn giao đất cho khách hàng, (4) hoạt động thanh lý cây cao su sẽ ghi nhận trong nửa cuối năm. Cho

cả năm 2024, tổng doanh thu PHR ước đạt 1.587 tỷ đồng (+17,4% YoY), LNST đạt 564 tỷ đồng (-9% YoY). EPS tương ứng là 4.161 VND/cp.

Đến 2030, chúng tôi duy trì kỳ vọng dự án KCN Tân Lập 1 (PHR sở hữu 51%), KCN Lai Hưng (600ha), Khu xử lý chất thải rắn Tân Long (400 ha) là những dự án tiếp theo đủ điều kiện để xin chủ trương đầu tư. Qua đó, PHR có thể nhận được tiền đền bù khi các dự án này được thu hồi để phát triển dự án.

**"Tăng trưởng nửa cuối năm được thúc đẩy bởi giá cao su neo giữ ở mức cao, đóng góp từ dự án NTC 3, thu nhập bồi thường từ VSIP III, và hoạt động thanh lý cây cao su."**





Giá mục tiêu:	23,100
Giá hiện tại:	20,100
Lợi nhuận kỳ vọng:	14.9%
Vùng mua:	19,000 - 19,600

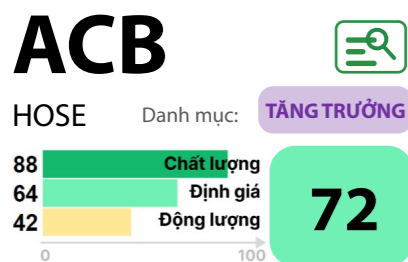
+/- Doanh thu (Q2/24):	26.2%
+/- LNST (Q2/24):	16.2%
EPS:	1,460
ROE:	8.7%

KQKD Q2/2024 của VPB tích cực với LNTT hợp nhất tăng trưởng 72% YoY lên 4,5 nghìn tỷ đồng, nhờ diễn biến lợi nhuận tích cực từ FE Credit (lợi nhuận trước loại trừ nội bộ gần 150 tỷ đồng trong khi cùng kỳ năm ngoài lỗ 2 nghìn tỷ). Tín dụng phục hồi lên 8,2% YTD từ 2,2% YTD tại Q1 nhờ hoạt động cấp tín dụng tích cực ở nhóm KHDN (Q2: 13,5% YTD so với Q1: 5,7% YTD) dù danh mục TPDN đã giảm mạnh 50% so với đầu năm.

Tại Ngân hàng mẹ, nợ nhóm 2 vẫn còn tăng 11% QoQ và nợ xấu (tính riêng cho vay khách hàng) tăng 8% QoQ, nhưng tỷ lệ NPL đi ngang so với mức 3,3% cuối Q1. VPB kỳ vọng NPL sẽ cải thiện trong nửa cuối năm dựa trên triển vọng kinh tế vĩ mô lạc quan và thực tế rằng tổn thất tín

dụng tiềm năng đã được kiểm soát. Cho nửa cuối năm, chúng tôi duy trì quan điểm tích cực về triển vọng tăng trưởng lợi nhuận của VPB, với tốc độ tăng trưởng kỳ vọng 70-100% nhờ (1) giảm đáng kể áp lực chi phí tín dụng sau khi tăng cường trích lập dự phòng cho các tổn thất tiềm năng trong Q2 tại Ngân hàng mẹ và danh mục cho vay có chất lượng tốt hơn tại FE Credit, (2) TN lãi thuần duy trì tăng trưởng cao nhờ thực tế NIM đã tạo đáy trong Q3-2023 và nhu cầu tín dụng dự báo tiếp tục phục hồi khả quan.

**“Kỳ vọng tăng trưởng lợi nhuận nhờ giảm áp lực chi phí tín dụng và nhu cầu tín dụng dự báo phục hồi khả quan.”**



Giá mục tiêu:	27,400
Giá hiện tại:	25,750
Lợi nhuận kỳ vọng:	6.4%
Vùng mua:	24,500 - 25,400

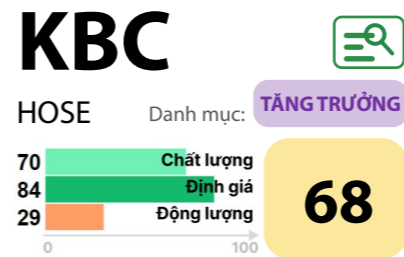
+/- Doanh thu (Q2/24):	7.8%
+/- LNST (Q2/24):	15.6%
EPS:	3,676
ROE:	22.9%

Vừa qua, NHNN cũng đã đưa ra thông báo điều chỉnh hạn mức tín dụng cho các ngân hàng đã hoàn thành 80% chỉ tiêu tín dụng. Theo dự phóng của chúng tôi, hạn mức tín dụng sau khi được cấp mới của ACB khoảng 18.5% (tăng 2.5% so với mức 16% được cấp đầu năm). Chúng tôi đánh giá với chiến lược ưu tiên tăng trưởng tín dụng trong năm 2024, ACB sẽ hoàn thành tổng hạn mức được cấp trong năm nay.

NIM kỳ vọng hồi phục trong nửa cuối năm: lợi suất trên tài sản sinh lời (IEA) theo quý bắt đầu giảm chậm hơn quý trước do chúng tôi quan sát tăng trưởng tín dụng tại ACB được phân bổ đều trong các tháng, thay vì tập trung vào cuối quý như một số ngân hàng khác. Trong khi đó, chi phí vốn (CoF) vẫn đang phản ánh khoản tiền gửi với lãi

suất thấp. Chúng tôi giữ dự phóng NIM của ngân hàng ở mức 3.96%. Mặc dù chất lượng tài sản có sự suy giảm nhẹ xong đã có những tín hiệu tích cực hơn khi nợ xấu mới hình thành tăng chậm lại, tác động CIC suy yếu dần. ACB kỳ vọng NPL sẽ được kiểm soát dưới mức 1.5% khi (1) diễn biến kinh tế chung tích cực hơn trong 2H2024, (2) khẩu vị rủi ro của ngân hàng tương đối an toàn.

**“Kỳ vọng chất lượng tài sản cải thiện nhờ nợ xấu tăng chậm lại và tác động CIC giảm dần. ACB kỳ vọng kiểm soát NPL dưới 1.5% nhờ kinh tế tích cực và khẩu vị rủi ro an toàn.”**



Giá mục tiêu:	41,800
Giá hiện tại:	28,200
Lợi nhuận kỳ vọng:	48.2%
Vùng mua:	27,100 - 27,800

+/- Doanh thu (Q2/24):	-61.7%
+/- LNST (Q2/24):	-75.8%
EPS:	306
ROE:	1.2%

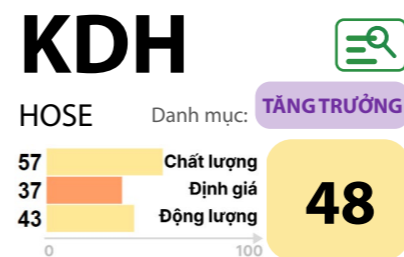
KBC báo cáo lợi nhuận thuần và doanh thu thuần Q2/2024 lần lượt đạt 237 tỷ đồng (giảm 75,8% so với cùng kỳ) và 892 tỷ đồng (giảm 61,7% so với cùng kỳ). Kết quả trên vượt kỳ vọng của chúng tôi, nhờ hoạt động bàn giao đất KCN (15 ha) được hoàn thành nhanh hơn dự kiến, và chủ yếu do thời điểm ghi nhận doanh thu. Trong nửa đầu năm 2024, doanh thu và lợi nhuận thuần đạt lần lượt 35% và 23% dự báo cho năm 2024 của chúng tôi nhưng chỉ hoàn thành 12% và 5% KHKD BLE để ra.

Dư nợ thuần của KBC trong Q2/2024 tăng 7,8% so với quý trước và 31,3% so với đầu năm đạt 3,7 nghìn tỷ đồng khi Công ty vay vốn để tăng mức vốn đầu tư cho các dự án đang phát triển như dự án KDC Trảng Cát, dự án nhà ở xã hội Nếnh (Bắc Giang), dự án cụm công nghiệp Kim Động

(Hưng Yên),...Tỷ lệ nợ thuần/vốn CSH của KBC tăng lên 0,18 lần tính đến cuối Q2/2024, từ mức 0,14 lần cuối năm 2023. Tuy nhiên, theo quan điểm của chúng tôi, mức này vẫn an toàn.

Cho nửa cuối năm 2024, chúng tôi dự báo KBC sẽ tiến hành bàn giao đất KCN tại nhiều dự án cho khách thuê. Công ty đã ghi nhận doanh số cho thuê đất chưa ghi nhận doanh thu với 43 ha tính đến cuối Q2/2024 (Nam Sơn Hạp Lĩnh, Tân Phú Trung, Quang Châu).

**“Lợi nhuận thuần và doanh thu thuần Q2/2024 lần lượt đạt 237 tỷ đồng, (giảm 75,8% so với cùng kỳ) và 892 tỷ đồng (giảm 61,7% so với cùng kỳ).”**



Giá mục tiêu:	42,000
Giá hiện tại:	38,900
Lợi nhuận kỳ vọng:	8.0%
Vùng mua:	37,000 - 38,500

+/- Doanh thu (Q2/24):	10.7%
+/- LNST (Q2/24):	12.8%
EPS:	672
ROE:	3.9%

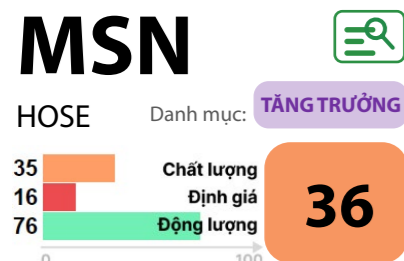
Trong quý 2/2024, KDH ghi nhận doanh thu đạt 645 tỷ đồng (+10.7%YoY, +93%QoQ), lợi nhuận gộp đạt 509 tỷ đồng (-1%YoY, biên lợi nhuận gộp đạt 79%) nhờ bàn giao các sản phẩm thấp tăng giá trị cao tại dự án Classia. Chi phí SG&A vẫn ở mức cao và đạt 86 tỷ đồng (+26% YoY, +53% QoQ, chủ yếu từ chi phí hoa hồng và quảng cáo); qua đó lợi nhuận sau thuế - cổ đông mẹ (LNST-CĐM) đạt 278,5 tỷ đồng (+12.8% YoY, +339% QoQ).

Lũy kế 6T2024, tổng doanh thu và LNST công ty mẹ ghi nhận 978,5 tỷ đồng (-2,8% YoY) và 341,8 tỷ đồng (-23,6% YoY), nhờ bàn giao các sản phẩm thấp tăng dự án Classia, tương ứng hoàn thành 25% chỉ tiêu doanh thu và 43% kế hoạch lợi nhuận cả năm.

Hàng tồn kho của KDH tiếp tục tăng trưởng quý thứ 5 liên tiếp, Q2/2024 hàng tồn kho của công ty đạt 21,5 nghìn tỷ đồng (+65,7% YoY, +5%QoQ). Trong kỳ, công ty chủ yếu đầu tư vào dự án BT – Bình Trưng Đông.

Cho cả năm 2024, chúng tôi ước tính tổng doanh thu và LNST-CĐM lần lượt đạt 4.704 tỷ đồng (+125% YoY) và 981 tỷ đồng (+37% YoY), với trọng điểm bàn giao dự án The Privia (Bình Tân). EPS 2024 dự kiến đạt 1.137 đồng.

**“Kỳ vọng tăng trưởng LNST nửa cuối 2024 tăng trưởng 37%YoY nhờ những dự án trọng điểm được bàn giao.”**



Giá mục tiêu:	85,600
Giá hiện tại:	75,700
Lợi nhuận kỳ vọng:	13.1%
Vùng mua:	70,000 - 73,000

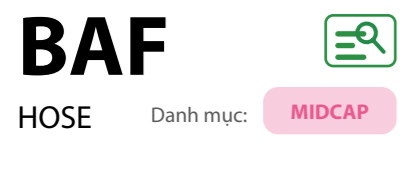
+/- Doanh thu (Q2/24):	8.2%
+/- LNST (Q2/24):	377.3%
EPS:	466
ROE:	1.7%

Trong Q2/2024, doanh thu thuần đạt 20.134 tỷ đồng (+6,8% QoQ, +8,2% YoY), cụ thể: MCH (mảng FMCG) đạt 7.388 tỷ đồng, tương đương mức tăng trưởng mạnh +14,1% YoY; WCM (WinCommerce) đạt 7.844 tỷ đồng (+9,2% YoY); MML (MeatLife) đạt 1.791 tỷ đồng (+5,1% YoY); MSR (Masan High Tech) đạt 3.652 tỷ đồng (+3,5% YoY).

NPAT-MI ghi nhận 503 tỷ đồng (+377,3% YoY), cụ thể: MCH (mảng FMCG) đạt 1.752 tỷ đồng (+8,3% YoY), với biên lợi nhuận ròng là 23,8% (-128 bps YoY); WCM (WinCommerce) đạt -40,4 tỷ đồng (thu hẹp đáng kể so với -132,9 tỷ đồng của Q2-2023); MML (MeatLife) đạt -31,0 tỷ đồng (thu hẹp đáng kể so với -124,8 tỷ đồng của Q2-2023), MSR (Masan

High Tech) đạt -359,3 tỷ đồng (thu hẹp đáng kể so với mức -514,7 tỷ đồng của Q2-2023). Sau khi đạt 607 tỷ đồng LNST Cty Mẹ trong H1-2024, MSN đã đạt được hơn 60% kế hoạch LNST cả năm theo kịch bản cơ sở. MSN nhận được tín hiệu tích cực từ mọi hoạt động kinh doanh trong cả việc mở rộng doanh thu và tối ưu hóa chi phí trong Q2-2024. Chúng tôi nhận thấy MSN đang ở bước ngoặt để mang lại mức tăng trưởng lợi nhuận ấn tượng trong 3 năm tới. Hiện tại, chúng tôi duy trì dự báo về doanh thu thuần là 81.545 tỷ đồng (+4,2% YoY) và LNST-CĐTS là 1.761 tỷ đồng (+320% YoY) cho năm 2024.

**“MSN nhận được tín hiệu tích cực từ mọi hoạt động kinh doanh và có tiềm năng mang lại lợi nhuận ấn tượng trong 3 năm tới.”**



Giá mục tiêu:	23,500
Giá hiện tại:	21,450
Lợi nhuận kỳ vọng:	9.6%
Vùng mua:	19,000 - 20,400

+/- Doanh thu (Q2/24):	-22.9%
+/- LNST (Q2/24):	307.0%
EPS:	678
ROE:	8.2%

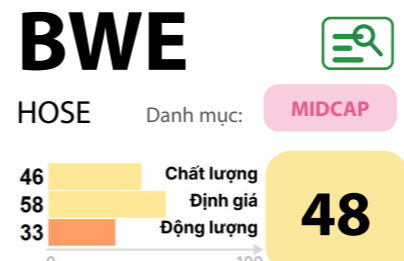
Quý 2/2024 ghi nhận sản lượng heo thịt xuất bán hơn 144 nghìn con, tiếp tục đạt mức cao kỷ lục kể từ khi thành lập. Lũy kế 6 tháng đầu năm, sản lượng heo bán ra đạt 252 nghìn con, tăng mạnh so với 135,2 nghìn con của cùng kỳ và hoàn thành khoảng 44% sản lượng bán hàng kế hoạch năm.

Về mặt doanh thu, mảng chăn nuôi đạt 805,35 tỷ +374,8% yoy nhờ tổng sản lượng heo xuất bán tăng hơn 137% yoy kết hợp giá heo hơi trung bình ở Q2/2024 tăng 16,4% svck. Nhờ vậy, BAF ghi nhận lợi nhuận gộp mảng chăn nuôi đạt 165 tỷ +241,6% yoy. Điểm đáng lưu ý, biên LNG quý 2 chỉ đạt 20,5% so với 29,2% của quý trước và 28,5% của cùng kỳ, trong khi giá heo hơi tăng 16,2% qoq, 16,4% svck và chi phí cám ước tính giảm trên 10% svck. Theo doanh nghiệp, việc (1) đưa 3 trang trại mới có tổng vốn đầu tư

đầu tư hơn 1.000 tỷ đồng vào hoạt động ở cuối Q1/2024, trong khi chưa có heo bán ra ở các trang trại này đã khiến chi phí khấu hao/mỗi con heo tăng lên trong Q2 này và (2) BAF tiếp tục thanh lý đàn nái. Đây là nguyên nhân kéo biên lợi nhuận gộp giảm.

LNST Q2/2024 đạt 34,1 tỷ đồng, tăng 307% svck, nhưng lại giảm mạnh so với 119,5 tỷ đồng ở quý trước. Nguyên nhân, LNST không cao như quý trước là do, Q1/2024 BAF ghi nhận hơn 90 tỷ đồng thu nhập khác ròng từ bán BĐS. Ngoài ra, việc liên tục gia tăng vay nợ khiến chi phí lãi vay tiếp tục tăng mạnh +55,1% svck khiến LNST suy giảm.

**“Mảng chăn nuôi mang lại doanh thu khả quan nhờ ghi nhận sản lượng thịt heo xuất bán cao kỷ lục.”**



Giá mục tiêu:	50,000
Giá hiện tại:	45,400
Lợi nhuận kỳ vọng:	10.1%
Vùng mua:	42,000 - 44,000

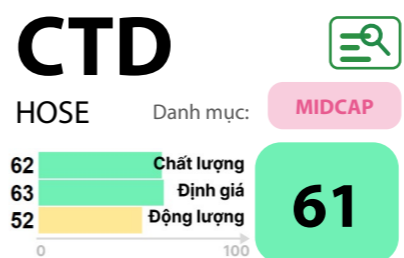
+/- Doanh thu (Q2/24):	18.0%
+/- LNST (Q2/24):	-35.1%
EPS:	2,885
ROE:	12.7%

BWE đã công bố KQKD Q2/2024 với 134 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế (giảm 35% so với cùng kỳ và 23% so với quý trước). Tính chung 6 tháng đầu năm 2024, Công ty ghi nhận 318 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, hoàn thành 51% mục tiêu của công ty đề ra cho năm 2024.

Chi phí tài chính tăng cao do khoản lỗ tỷ giá chưa thực hiện lên đến 71 tỷ đồng là nguyên nhân chính dẫn đến KQKD Q2/2024 kém tích cực. BWE đang có kế hoạch đảo nợ cho khoản vay hiện tại để hưởng mức lãi suất thấp hơn, tận dụng mức xếp hạng tín dụng tốt. Giá bán nước bình quân của BWE tăng 9,6% so với cùng kỳ trong Q2/2024 nhờ sản lượng tiêu thụ của nhóm khách hàng doanh nghiệp tăng.

Động lực tăng trưởng của BWE trong giai đoạn 2024-2030 chủ yếu đến từ mảng cấp nước, được thúc đẩy bởi: (1) nhu cầu tiêu thụ dự báo tăng 5-6% mỗi năm, (2) công suất cấp nước được đầu tư nâng cấp, (3) lộ trình tăng giá nước được phê duyệt và (4) hoạt động M&A mang lại hiệu quả.

**“Tăng trưởng BWE giai đoạn 2024-2030 chủ yếu từ mảng cấp nước, nhờ nhu cầu tăng, nâng cấp công suất, giá nước tăng, và hiệu quả M&A.”**



Giá mục tiêu:	78,000
Giá hiện tại:	63,800
Lợi nhuận kỳ vọng:	22.3%
Vùng mua:	61,500 - 63,500

+/- Doanh thu (Q2/24):	82.2%
+/- LNST (Q2/24):	94.9%
EPS:	2,996
ROE:	3.5%

Trong Q4/2024, CTD ghi nhận quý có doanh thu cao nhất kể từ Q4/2019 đạt 6.595 tỷ đồng +41,4% qoq và 82,2% svck và LNST là 58 tỷ đồng -43,9% QoQ nhưng +94,9% svck. Lũy kế năm tài chính mới, doanh thu và LNST của CTD đạt 21.045 tỷ đồng +30,8% svck và 299 tỷ đồng +343,3% svck. Với kết quả này, doanh thu cao hơn 6,7% so với 19.715 tỷ đồng dự phóng, trong khi chi phí trích lập dự phòng cao hơn 21 tỷ đồng dự phóng, kéo lợi nhuận thấp hơn 26 tỷ đồng so với 325 tỷ dự phóng.

Về biên lợi nhuận gộp, Q4/2024 giảm nhẹ xuống 3,4% so với 4,7% quý trước, nhưng vẫn cao hơn 2,8% svck. Cả năm, biên lợi nhuận gộp cải thiện mạnh đạt 3,4% so với 2,2% ck. Áp lực trích lập dự phòng nợ xấu còn lớn tiếp tục kìm hãm tốc độ gia tăng lợi nhuận của CTD. Riêng Q4 CTD trích lập ~70 tỷ chi phí dự phòng so với 55 tỷ cùng kỳ, cả năm công

ty trích lập 251 tỷ đồng. Nếu loại trừ chi phí dự phòng thì lợi nhuận từ HĐKD - EBIT của CTD cả năm là 383 tỷ đồng, tăng 370% so với cùng kỳ.

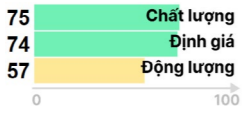
Chúng tôi cho rằng, việc CTD vẫn duy trì chính sách thận trọng trong đánh giá dự phòng các khoản nợ quá hạn sẽ giúp tình hình tài chính của công ty được ổn định. Tính đến hết Q4, quy mô phải thu, vòng quay vốn lưu động cho tới tốc độ gia tăng nợ xấu tiếp tục giữ vững xu hướng cải thiện. Ngoài ra, quy mô tiền thuần của công ty quay lại giá trị trên 4.000 tỷ đồng, cho thấy năng lực tài chính của CTD vẫn vững mạnh.

**“Mặc dù áp lực trích lập dự phòng nợ xấu còn lớn tiếp tục kìm hãm tăng trưởng lợi nhuận, năng lực tài chính của CTD vẫn cho thấy sự vững mạnh.”**



# HDG

HOSE Danh mục: MIDCAP



72

Giá mục tiêu:	28,300
Giá hiện tại:	27,950
Lợi nhuận kỳ vọng:	1.3%
Vùng mua:	26,000 - 27,500

+/- Doanh thu (Q2/24):	-1.0%
+/- LNST (Q2/24):	110.0%
EPS:	1,989
ROE:	9.1%

Trong quý 2/2024, HDG ghi nhận doanh thu 560 tỷ đồng (-1%YoY), trong đó doanh thu thủy điện vẫn ở mức thấp và đạt 205 tỷ đồng (-1%YoY, -16%QoQ); lợi nhuận gộp đạt 282 tỷ đồng (-24%YoY, -25%QoQ). Tuy nhiên, với việc giảm chi phí bán hàng & quản lý doanh nghiệp (SG&A) cùng chi phí tài chính (tiếp tục từ việc cơ cấu lại các khoản nợ để giảm lãi vay), LNST của cổ đông công ty mẹ đạt 74 tỷ đồng (+110% YoY, -69%QoQ).

Cho năm 2024, chúng tôi duy trì kì vọng mảng năng lượng sẽ hồi phục nhẹ, đặc biệt từ quý 3/2024 với kỳ vọng về xác suất La Nina tăng lên đáng kể trong giai đoạn tháng 8-9. Cùng với việc công ty giảm được chi phí SG&A và chi phí lãi vay, chúng tôi ước tính LNST công ty mẹ, cho nửa cuối năm và cho cả năm 2024, lần lượt đạt 405 tỷ đồng

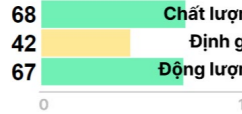
(+24%YoY, +37%HoH) và 700 tỷ đồng (+5%YoY, bằng 90% kế hoạch kinh doanh của công ty).

Trong cuộc gặp gỡ với doanh nghiệp HDG gần đây, công ty đã có chia sẻ về tiến độ các dự án hiện tại, với các dự án năng lượng tái tạo (NLTT) đang chờ quy định hướng dẫn về cơ chế đàm phán giá để chính thức triển khai các dự án. Với các dự án BĐS nhà ở, công ty duy trì kế hoạch triển khai bán hàng với dự án Charm Villa – giai đoạn 03 trong cuối năm 2024, tuy nhiên sẽ đánh giá về mức độ hấp thu của thị trường để đưa ra phương án bán hàng hợp lý.

**“Kỳ vọng mảng năng lượng phục hồi nhẹ nửa cuối năm, mảng BĐS duy trì kế hoạch bán hàng thận trọng.”**

# HSG

HOSE Danh mục: MIDCAP



59

Giá mục tiêu:	23,500
Giá hiện tại:	21,300
Lợi nhuận kỳ vọng:	10.3%
Vùng mua:	19,500 - 20,500

+/- Doanh thu (Q2/24):	25.4%
+/- LNST (Q2/24):	1832.5%
EPS:	1,841
ROE:	10.3%

HSG ghi nhận doanh thu Quý 3 NĐT 2024 đạt 10.840 tỷ đồng (+17,2% QoQ, +25,4% YoY) và lợi nhuận gộp đạt 1.337 tỷ đồng (+19,7% QoQ, +49,9% YoY), với biên lợi nhuận gộp cải thiện lên 12,3%. Lũy kế đến hết Quý 3, doanh thu đạt 29.162 tỷ đồng và lợi nhuận gộp đạt 3.404 tỷ đồng, tăng +74,0% YoY. Lợi nhuận sau thuế đạt 695,62 tỷ đồng (cải thiện so với mức lỗ ròng của cùng kỳ năm 2023, hoàn thành 231% kế hoạch kinh doanh).

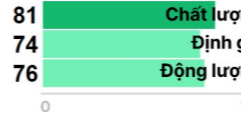
Sản lượng có sự cải thiện ở các thị trường, với sản lượng tiêu thụ tôn mạ nội địa đạt 175.773 tấn (+50,7% QoQ, +42% YoY), xuất khẩu đạt 239.605 tấn (-7,4%QoQ, +32%YoY) trong quý 3.

Cho quý 4 NĐT 2024, chúng tôi cho rằng thị trường xuất khẩu sẽ gặp khó khăn khiến sản lượng tiêu thụ giảm -26,4% QoQ. Thị trường trong nước dự kiến tiếp tục phục hồi nhờ nhu cầu từ lĩnh vực khu công nghiệp, và thị trường bất động sản dân dụng đang trong quá trình hồi phục. Theo đó, tổng doanh thu ước đạt 8.808 (+7%YoY) tỷ đồng, lợi nhuận gộp đạt 956 tỷ đồng (GPM đạt 10,8%). Lợi nhuận sau thuế quý 4 NĐT 2023 dự kiến đạt 136 tỷ đồng (-69%YoY).

**“Quý 4 NĐT 2024, xuất khẩu dự báo gặp khó khăn với sản lượng giảm -26,4% QoQ, trong khi thị trường trong nước phục hồi nhờ nhu cầu từ khu công nghiệp và bất động sản.”**

# IJC

HOSE Danh mục: MIDCAP



78

Giá mục tiêu:	15,800
Giá hiện tại:	13,700
Lợi nhuận kỳ vọng:	15.3%
Vùng mua:	12,600 - 13,300

+/- Doanh thu (Q2/24):	-44.8%
+/- LNST (Q2/24):	-48.3%
EPS:	683
ROE:	6.1%

Quý 2/2024, IJC ghi nhận KQKD sụt giảm so với mức nền cao của cùng kỳ với doanh thu thuần ghi nhận gần 389 tỷ đồng (-44,9 svck). LNST công ty mẹ ghi nhận 73,5 tỷ đồng (- 48,3% svck). Đáng chú ý trong kỳ, mảng kinh doanh bất động sản ghi nhận doanh thu thuần gần 232 tỷ đồng trong đó 201 tỷ đồng tới từ việc chuyển nhượng 5 tầng của tòa nhà Becamex Tower, khoản chuyển nhượng này mang lại hơn 29 tỷ đồng lợi nhuận gộp. Nếu loại trừ khoản doanh thu không thường xuyên ra thì KQKD có thể giảm khá mạnh.

Mảng doanh thu phí cầu đường ghi nhận 75,6 tỷ đồng tăng nhẹ so với cùng kỳ và biên lợi nhuận gộp sụt giảm nhẹ và đạt 75%. Trong kỳ, công ty có ghi nhận lợi nhuận từ công ty liên kết là CTCP Phát triển hạ tầng kỹ thuật

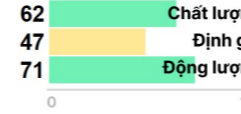
Becamex Bình Phước (sở hữu ~31,8%) với 2,41 tỷ đồng. Hàng tồn kho tăng mạnh do việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ Tổng công ty Đầu tư và phát triển Công nghiệp - CTCP (BCM) với giá trị là 1.242,6 tỷ đồng, làm phát sinh khoản phải trả người bán ngắn hạn là 1.151 tỷ đồng.

Trong quý 3/2024 dự kiến KQKD IJC vẫn sẽ chưa ghi nhận sự tăng trưởng mạnh nếu không có những giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ghi nhận.

**“Q3/2024 dự kiến KQKD vẫn sẽ chưa ghi nhận sự tăng trưởng mạnh nếu không có những giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ghi nhận.”**

# PC1

HOSE Danh mục: MIDCAP



59

Giá mục tiêu:	31,800
Giá hiện tại:	29,000
Lợi nhuận kỳ vọng:	9.7%
Vùng mua:	25,000 - 27,000

+/- Doanh thu (Q2/24):	109.9%
+/- LNST (Q2/24):	593.9%
EPS:	892
ROE:	3.8%

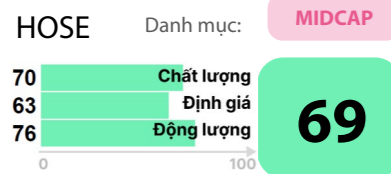
Nửa đầu năm 2024, PC1 ghi nhận doanh thu và LNST sau CĐTS lần lượt đạt 5.306 tỷ đồng (+78% y/y) và 240 tỷ đồng (cùng kỳ lãi 2 tỷ đồng). Sự tăng trưởng mạnh mẽ này chủ yếu là do: (1) Hoạt động tổng thầu EPC ghi nhận doanh thu tăng trưởng 70% y/y khi ghi nhận 80% giá trị hợp đồng tại dự án Đz 500kV mạch 3; (2) ghi nhận kết quả kinh doanh khai thác Nickel với doanh thu 866 tỷ đồng (cùng kỳ không có); (3) doanh thu bán điện tăng trưởng 12% y/y nhờ sản lượng phát từ các nhà máy thủy điện tăng trưởng tốt; và (4) chính thức ghi nhận lợi nhuận từ Công ty liên kết Western Pacific khoảng 57 tỷ đồng.

Năm 2024, chúng tôi dự báo doanh thu 10.549 tỷ đồng (+36% y/y) và LNST sau CĐTS 505 tỷ đồng (gấp 14 lần so

với năm 2023). Năm 2025, doanh thu ước đạt 11.970 tỷ đồng (+14% y/y) và LNST sau CĐTS ước đạt 786 tỷ đồng (+56 y/y). Cơ sở dự báo: (1) doanh thu hoạt động tổng thầu EPC và sản xuất tăng trưởng mạnh mẽ; (2) các nhà máy thủy điện hưởng lợi nhờ tình hình thủy văn; (3) Công ty liên kết Western Pacific bắt đầu đóng góp lợi nhuận kể từ 2024; (4) dự án BĐS nhà ở Tháp Vàng được bàn giao 50% và ghi nhận 768 tỷ đồng doanh thu, 85 tỷ đồng LNST vào năm 2025; và (5) chi phí tài chính giảm khi dư nợ vay giảm.

**“Cho cả năm 2024, kỳ vọng cả 3 mảng xây lắp, sản xuất công nghiệp và khai khoáng đều sẽ có các tín hiệu tích cực.”**

# PVT



Giá mục tiêu:	30,700
Giá hiện tại:	27,950
Lợi nhuận kỳ vọng:	9.8%
Vùng mua:	25,000 - 26,500

+/- Doanh thu (Q2/24):	41.6%
+/- LNST (Q2/24):	-7.0%
EPS:	2,802
ROE:	11.0%

Trong Q2/2024, PVT ghi nhận doanh thu đạt 2.994 tỷ VNĐ (tăng 41% svck), nhờ gia tăng công suất đội tàu khai thác khi đầu tư thêm 12 tàu từ năm 2023, giúp công suất +32% so với đầu năm 2023, bù đắp được mức sụt giảm sản lượng nội địa do nhà máy lọc dầu Dung Quất bảo dưỡng, đặc biệt là trong bối cảnh giá cước vận tải biển hấp dẫn, tăng bình quân từ +5.4% đến +12% svck. Theo đó, biên lợi nhuận gộp của doanh nghiệp đạt mức 23.31% - mức cao nhất trong 14 năm gần đây. Trong kỳ, LNST có sự giảm sút (-5% svck) do trong kỳ PVT ghi nhận khoản chi phí khác ở mức trị giá 63 tỷ đồng, liên quan đến các thỏa thuận với các đối tác của doanh nghiệp.

Lũy kế 6T2024, PVT ghi nhận tăng trưởng doanh thu và

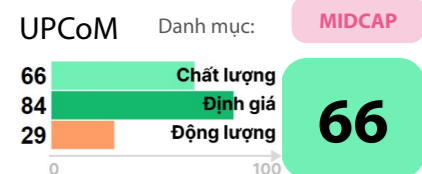
LNST lần lượt 33,5% và 9,7% svck, tương ứng hoàn thành 62,8% và 88,9% kế hoạch năm.

Triển vọng ngắn hạn, trong Q3/2024, chúng tôi kỳ vọng doanh nghiệp sẽ ghi nhận khoản thu nhập từ công ty con tích cực hơn khi công ty con là PVT Logistics ghi nhận khoản thanh lý tàu trị giá hơn 100 tỷ đồng.

Với kế hoạch mở rộng đội tàu, doanh nghiệp dự kiến mua thêm 3 tàu hàng rời, 1 tàu LPG, 1 tàu MR và sẽ bán 1 tàu dầu/ hóa chất, ước tính sẽ triển khai vào cuối năm nay. Hiện tại PVT đang được giao dịch tại mức P/E là 9,1x.

**“Trong Q3/2024, doanh nghiệp kỳ vọng thu nhập tăng nhờ PVT Logistics thanh lý tàu với giá trị hơn 100 tỷ đồng.”**

# QTP



Giá mục tiêu:	15,600
Giá hiện tại:	14,400
Lợi nhuận kỳ vọng:	8.3%
Vùng mua:	12,000 - 13,300

+/- Doanh thu (Q2/24):	-2.2%
+/- LNST (Q2/24):	-35.4%
EPS:	1,354
ROE:	11.4%

Trong kỳ, QTP ghi nhận doanh thu đạt 3.628 tỷ đồng, giảm nhẹ 2.2% so với cùng kỳ do sản lượng điện và giá điện thị trường đều giảm svck. LNST đạt gần 160,4 tỷ đồng, giảm 35,4% svck nguyên nhân chủ yếu là biên lợi nhuận gộp giảm từ 8% xuống 5,8% (chi phí nhiên liệu đầu vào tăng). Lũy kế 6T/24, doanh thu đạt gần 6.638 tỷ đồng, đi ngang so với cùng kỳ, LNST đạt hơn 386,8 tỷ đồng, giảm 1,3% svck. Với kết quả này, QTP hoàn thành gần 54% kế hoạch doanh thu và 77,4% kế hoạch LNST năm 2024.

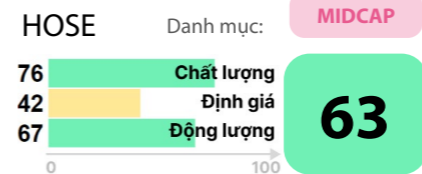
Biên lợi nhuận gộp của QTP giảm trong Q2/2024 do giá than có xu hướng tăng. Tuy nhiên giá than New Castle đã giảm khoảng 9% từ đỉnh ngắn hạn tháng 5/24 và hiện đang duy trì xu hướng đi ngang từ đầu tháng 6 giúp biên

lợi nhuận gộp có thể được cải thiện trong Q3/2024 nhờ giá than trộn điều chỉnh giảm tương ứng.

Bên cạnh kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm suy giảm do giá nguyên vật liệu đầu vào tăng, thị trường chung đang trong giai đoạn điều chỉnh kể từ đầu tháng 7 và vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro. Do đó, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư tiếp tục theo dõi khi doanh nghiệp có tín hiệu rõ ràng hơn về KQKD và các yếu tố như giá nguyên vật liệu đầu vào, sản lượng điện được huy động khi chuyển pha thời tiết.

**“KQKD kém khả quan do giá nguyên liệu đầu vào tăng. Thị trường chung đang trong giai đoạn điều chỉnh và vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro.”**

# SCS



Giá mục tiêu:	95,600
Giá hiện tại:	79,000
Lợi nhuận kỳ vọng:	21.0%
Vùng mua:	74,000 - 78,000

+/- Doanh thu (Q2/24):	53.2%
+/- LNST (Q2/24):	46.8%
EPS:	5,807
ROE:	42.3%

SCS công bố KQKD Q2/2024 tích cực, với lợi nhuận thuần và doanh thu thuần đạt lần lượt 190 tỷ đồng và 264 tỷ đồng, tăng 47% so với cùng kỳ (tăng 29% so với quý trước) và tăng 53% so với cùng kỳ (tăng 24% so với quý trước). Theo đó, lợi nhuận thuần và doanh thu thuần 6 tháng đầu năm 2024 tăng lần lượt 39% so với cùng kỳ và 43% so với cùng kỳ lên 337 tỷ đồng và 477 tỷ đồng. Với kết quả trên, SCS hoàn thành lần lượt 50% và 49% dự báo cho cả năm 2024 của chúng tôi.

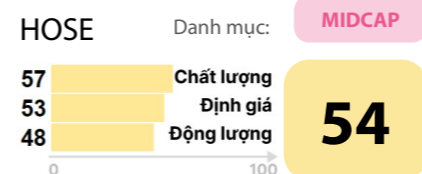
Sản lượng hàng hóa tăng đáng kể nhờ nhu cầu phục hồi từ mức nền thấp của năm ngoái cũng như sự đóng góp của khách hàng mới là nguyên nhân chính dẫn đến KQKD

tích cực trong Q2/2024. Cụ thể: Tổng sản lượng hàng hóa trong Q2/2024 tăng 50% so với cùng kỳ và tăng 20% so với quý trước đạt 70.298 tấn; Nhu cầu phục hồi từ mức nền thấp của năm ngoái khi ngành công nghiệp đang phục hồi mạnh dẫn đến sản lượng hàng hóa tăng mạnh.

Cổ phiếu đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 13,7 lần, thấp hơn bình quân từ tháng 1/2019 ở mức 14,3 lần.

**“Sản lượng hàng hóa tăng nhờ nhu cầu phục hồi từ nền thấp cũng như sự đóng góp của khách hàng mới.”**

# SZC



Giá mục tiêu:	41,000
Giá hiện tại:	37,650
Lợi nhuận kỳ vọng:	8.9%
Vùng mua:	34,000 - 36,000

+/- Doanh thu (Q2/24):	-8.9%
+/- LNST (Q2/24):	6.5%
EPS:	1,547
ROE:	11.9%

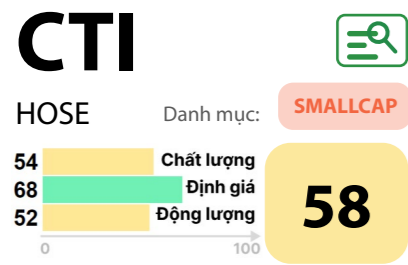
Doanh thu Q2/2024 đạt 262 tỷ đồng -8,9% svck. Trong đó, doanh thu từ cho thuê đất công nghiệp đạt 233 tỷ đồng và chủ yếu đến từ hợp đồng cho thuê của CTCP Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2. Việc giá cho thuê KCN tăng 15-19% svck giúp biên lợi nhuận gộp cải thiện mạnh mẽ lên 57,0% so với 47,8% của cùng kỳ và 46,1% quý trước, qua đó giúp LNST đạt 102 tỷ đồng +6,5% svck và 57,1% quý trước.

Hiện tại, SZC đã ký hợp đồng cho thuê mới là gần 30ha, trong đó cho Công ty TNHH Electronic Tripod Việt Nam thuê trên diện tích 18 ha và HPG thuê sản xuất container khoảng 6ha nâng tổng diện tích ký cộng với các nhà đầu tư nhỏ khác đạt trên 45 ha (tăng 12% svck) - cao hơn kế hoạch cho thuê của công ty là 40 ha.

Chúng tôi kỳ vọng KQKD năm 2024 của SZC sẽ tiếp tục khả quan dựa trên: (1) Diện tích còn lại sẵn sàng cho thuê hơn 400 ha; (2) Triển vọng tăng giá thuê cao hơn so với các KCN khác ở Bà Rịa - Vũng Tàu - KCN Châu Đức hiện có giá thuê thấp hơn 20-35% so với các KCN khác và kết nối cơ sở hạ tầng được cải thiện đáng kể từ đường cao tốc Biên Hòa-Vũng Tàu (3) Tình hình thu hút FDI tiếp tục khả quan tại Bà Rịa- Vũng Tàu khi trong 7 tháng 2024, FDI đăng ký dẫn đầu cả nước với 1,54 tỷ USD (tăng 6,2 lần so với cùng kỳ).

**“Kỳ vọng KQKD 2024 khả quan nhờ diện tích sẵn sàng cho thuê lớn và triển vọng tăng giá cho thuê tại các KCN hiện hữu.”**





Giá mục tiêu:	17,800
Giá hiện tại:	15,250
Lợi nhuận kỳ vọng:	16.7%
Vùng mua:	14,000 - 15,000

+/- Doanh thu (Q2/24):	35.0%
+/- LNST (Q2/24):	-45.0%
EPS:	1,455
ROE:	5.6%

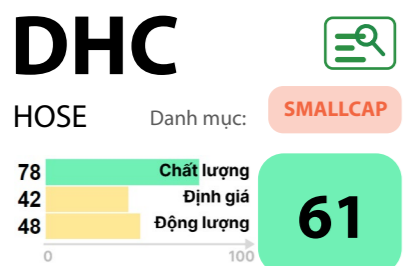
Quý 2/2024, CTI đạt doanh thu thuần 254,3 tỷ đồng (+35% svck), lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 25,2 tỷ đồng (-45% svck). Lũy kế 6 tháng năm 2024, CTI hoàn thành lần lượt 43% và 55% kế hoạch doanh thu và lợi nhuận sau thuế cho năm 2024.

Biên lợi nhuận gộp tổng thể ghi nhận giảm nhẹ đạt 44% (cùng kỳ đạt 59%) chủ yếu do việc giảm tỷ suất của mảng xây lắp. Đáng chú ý trong kỳ, khoản mục Người mua trả trước tiếp tục tăng gần 29 tỷ đồng so với đầu năm nhờ đóng góp của Tổng công ty Trường Sơn.

Nhìn chung, KQKD Quý 2/2024 của CTI ghi nhận chưa thực sự tích cực nhưng khả năng sẽ có sự cải thiện trong nửa cuối năm còn lại dựa trên (1) Sự phục hồi tích cực của

nền kinh tế và đầu tư công được duy trì sẽ giúp mảng BOT và xây lắp cải thiện hơn, hiện giá trị ký hợp đồng cho các 3 dự án lớn nằm trong khoảng 500-600 tỷ đồng sẽ đủ khối lượng công việc cho 2 năm tiếp theo (2) Kỳ vọng nhận được phê duyệt chủ trương cho mỏ đá Thiện Tân 10 (3) Vấn đề xử lý cho trạm BOT Quốc lộ 91 Cần Thơ sẽ được thảo luận và giải quyết trong kỳ họp thứ 8 Quốc hội vào tháng 10.

**“Mặc dù KQKD Q2/2024 chưa thực sự khả quan nhưng sẽ có cải thiện nửa cuối năm còn lại nhờ sự phục hồi của nền kinh tế và các giá trị hợp đồng đủ khối lượng công việc cho 2 năm tiếp theo.”**



Giá mục tiêu:	41,500
Giá hiện tại:	37,150
Lợi nhuận kỳ vọng:	11.7%
Vùng mua:	34,000 - 36,000

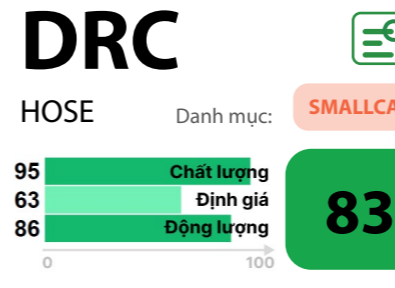
+/- Doanh thu (Q2/24):	26.9%
+/- LNST (Q2/24):	-34.4%
EPS:	3,067
ROE:	13.2%

Lợi nhuận thuần Q2/2024 đạt 60 tỷ đồng (giảm 34,3% so với cùng kỳ nhưng tăng 8,6% so với quý trước dựa trên mức nền thấp) trên doanh thu thuần 1.016 tỷ đồng (tăng 26,9% so với cùng kỳ và tăng 25,3% so với quý trước), chủ yếu nhờ công suất hoạt động của nhà máy sản xuất thùng carton tăng, cũng như doanh thu không thường xuyên từ hoạt động kinh doanh thép và công tác quản lý chi phí được thực hiện tốt hơn.

Chúng tôi dự báo lợi nhuận cho giai đoạn 2024-2026 lần lượt ở mức 261 tỷ đồng, 298 tỷ đồng, và 319 tỷ đồng do chúng tôi giữ quan điểm thận trọng khi đánh giá về sự phục hồi của kinh tế vĩ mô. Theo đó, lợi nhuận thuần giai đoạn 2024-2026 dự báo sẽ giảm 15,4%, tăng 13,9%, và

tăng 7,2%, tương đương với mức tăng trưởng với tốc độ CAGR 3 năm là 10,5%. Dự báo cho thấy công suất hoạt động của các nhà máy giấy bao bì tăng sẽ thúc đẩy doanh thu, với nhà máy số 2 gần đạt hết công suất. Trong dài hạn, nhà máy Giao Long 3 sẽ giúp công suất tăng hơn gấp đôi, mang lại giá trị lớn hơn cho DHC.

**“Dự báo lợi nhuận DHC giai đoạn 2024-2026 tăng trưởng với CAGR 3 năm 10,5%, nhờ công suất các nhà máy bao bì tăng đáng kể.”**



Giá mục tiêu:	35,000
Giá hiện tại:	31,600
Lợi nhuận kỳ vọng:	10.8%
Vùng mua:	27,500 - 29,000

+/- Doanh thu (Q2/24):	17.4%
+/- LNST (Q2/24):	52.2%
EPS:	2,510
ROE:	16.0%

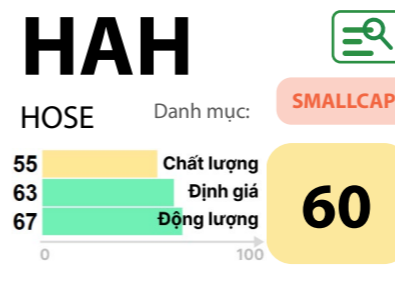
Trong Q2/2024, doanh thu thuần đạt 1.364 tỷ đồng (+40,2% QoQ, +17,4% YoY), cụ thể ở các mảng đáng chú ý: Doanh thu từ mảng TBR Bias đạt 254 tỷ đồng phục hồi mạnh +44,3% QoQ từ quý 1 thường thấp điểm, tuy nhiên chỉ cải thiện nhẹ +2,4% YoY; Doanh thu từ mảng TBR Radial đạt 841 tỷ đồng (+45,5% QoQ, +19,9% YoY) được hỗ trợ từ cả trong nước (24,2% YoY) lẫn ngoài nước (+19,0% YoY); Doanh thu từ lớp PCR tiếp tục ghi nhận mức khả quan (sản phẩm phục vụ cho nhu cầu thay lốp của xe ô tô, chủ yếu xuất khẩu sang thị trường Brazil) đạt 44 tỷ đồng (+15,6% QoQ, +542,7% YoY).

LNST đạt 77,4 tỷ đồng (+57,3% QoQ, +52,1% YoY) với Biên LNTT đạt 5,7% (+62 bps QoQ, +129 bps YoY). Biên LN gộp đạt 20,1% (+348 bps QoQ, +760 bps YoY). Mặc dù vậy,

mức cải thiện biên LNST không tương xứng với biên LN gộp do CPBH&QLDN/DT thuần đạt 13,3% (+248 bps QoQ, +616 bps YoY).

DRC lên kế hoạch doanh thu thuần Q3/2024 đạt 1.345 tỷ đồng (-1,4% QoQ, +19,7% YoY) giảm nhẹ so với quý trước do ảnh hưởng từ tắc nghẽn dòng vận chuyển hàng DRC sang Brazil, Mỹ cũng như tiêu thụ trong nước gặp khó. Công ty cũng lên kế hoạch lợi nhuận trước thuế đạt 80 tỷ đồng (-19,7% QoQ, -14,3% YoY), tương đương biên LNTT 5.9% (-120 bps QoQ, -234 bps YoY).

**“DRC lên kế hoạch KQKD giảm nhẹ do ảnh hưởng chuỗi cung ứng cũng như tiêu thụ trong nước gặp khó khăn.”**



Giá mục tiêu:	50,400
Giá hiện tại:	40,650
Lợi nhuận kỳ vọng:	24.0%
Vùng mua:	38,000 - 39,500

+/- Doanh thu (Q2/24):	55.2%
+/- LNST (Q2/24):	15.0%
EPS:	2,791
ROE:	10.5%

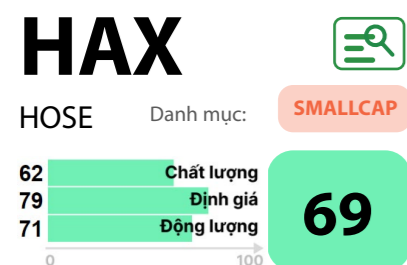
Trong 8T2024, sản lượng vận tải đạt 391 nghìn TEU (+50% YoY), trong đó sản lượng quốc tế và nội địa lần lượt là 129 nghìn TEU (+103% YoY) và 262 nghìn TEU (+33% YoY). Sản lượng container vận tải của HAH có bước tăng trưởng đột biến nhờ (1) HAH có hợp tác cùng với hãng tàu ONE khai thác thị trường Nội Á (2) Có nhiều hơn hai tuyến dịch vụ/ chân cảng so với cùng kỳ (3) xu hướng XNK hồi phục kể từ nửa cuối năm 2023.

Trong 6T2024, doanh thu và LNST cổ đông công ty mẹ lần lượt đạt 1.653 tỷ đồng (+31% YoY) và 170 tỷ đồng (-21% YoY), tương ứng hoàn thành 42%/38% kế hoạch năm điều chỉnh, và hoàn thành 53%/58% dự phóng của chúng tôi. Lợi nhuận sẽ dồn nhiều hơn vào nửa cuối năm do tàu HAIAN OPUS bắt đầu được cho thuê kể từ tháng 08/2024

với giá cước 24.000 USD/ngày và HAIAN MIND được cho thuê với giá 24.000 USD/ngày kể từ tháng 10/2024, cao hơn mức giá trung bình trong 6T2024 là 60% là 15.000 USD/ngày.

Với KQKD tích cực hơn kỳ vọng trong 6T2024, chúng tôi điều chỉnh tăng dự phóng cho năm 2024 về doanh thu và LNST cổ đông công ty mẹ lần lượt là 3.719 tỷ đồng (+42% YoY) và 478 tỷ đồng (+24% YoY), tương ứng 18% và 62% so với dự phóng trước đó. LNST điều chỉnh mạnh nhờ HAH cho thuê tàu với giá cước cao hơn giả định trước đó. EPS pha loãng là 3.184 VND.

**“Đón chờ bước nhảy vọt về tăng trưởng trong nửa cuối năm nhờ cho thuê tàu với giá cước cao.”**



Giá mục tiêu:	18,500	+/- Doanh thu (Q2/24):	40.8%
Giá hiện tại:	16,850	+/- LNST (Q2/24):	341.2%
Lợi nhuận kỳ vọng:	9.8%	EPS:	551
Vùng mua:	14,000 - 15,000	ROE:	5.0%

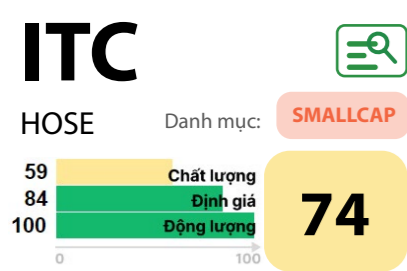
Trong Q2/2024, doanh thu thuần đạt 1.123 tỷ đồng (+8,2% QoQ, +40,8% YoY), trong đó: Mảng bán xe Mercedes-Benz đạt 601 tỷ đồng (+11,4% QoQ, -1,5% YoY), mức giảm thấp hơn tốc độ giảm sản lượng bán ra của Mercedes-Benz tại VN là -10.0% YoY. Mảng bán xe ở các công ty con, chủ yếu MG đạt 379 tỷ đồng, tăng trưởng mạnh mẽ +4,5% QoQ, +621,3% YoY. Xét toàn cảnh thị trường, MG tiếp tục cho thấy khởi sắc từ khi về tay SAIC Motor từ T7/2023, tăng thị phần từ 1.2% trong Q2-2023 lên 3.6% trong Q1-2024.

LNST đạt 7,5 tỷ đồng (-66,3% QoQ, +341,2% YoY), tương đương biên LN ròng đạt 2,0% (+161 bps YoY), nhờ hưởng lợi từ lãi suất vay hiệu dụng giảm (3,0% so với 7,3% ở Q2-2023), ngoài ra đóng góp cao hơn của mảng MG (có biên LN gộp tốt hơn so với Mercedes-Benz) trong doanh thu

(34% so với 7% ở Q2-2023) giúp biên LN gộp cải thiện (+149 bps YoY). Đáng chú ý, biên LN gộp hợp nhất của Công ty sụt giảm 63 bps do HAX thực hiện giảm giá xe Mercedes-Benz nhằm duy trì sản lượng bán ra.

Tuy nhiên, do việc HAX giảm đáng kể tỷ lệ cổ phần sở hữu tại PTM xuống 51,6% vào cuối Q1/2024 sau đợt chào bán riêng lẻ nên lợi ích cổ đông không kiểm soát trong Q2/2024 ghi nhận 14 tỷ đồng. Việc này bào mòn LNST cho Cty Mẹ chỉ còn 8 tỷ đồng.

**“Mặc dù KQKD Q2/2024 tích cực nhờ tăng trưởng doanh thu và hưởng lợi từ giảm lãi suất vay, việc giảm tỷ lệ cổ phần sở hữu tại PTM đã bào mòn LNST công ty mẹ.”**



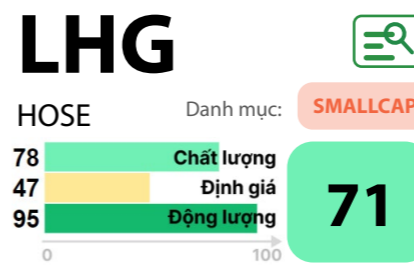
Giá mục tiêu:	14,000	+/- Doanh thu (Q2/24):	-1.8%
Giá hiện tại:	11,200	+/- LNST (Q2/24):	208.2%
Lợi nhuận kỳ vọng:	25.0%	EPS:	812
Vùng mua:	10,000 - 11,000	ROE:	3.4%

Kết quả kinh doanh của ITC tiếp tục thể hiện bức tranh thiếu động lực khi không có dự án BĐS mới nào được đưa vào kinh doanh. Sau 6 tháng đầu năm, doanh thu đạt 273 tỷ, lợi nhuận trước thuế đạt 30 tỷ, đều gần như đi ngang so với cùng kỳ. Trong đó, mảng khách sạn là điểm sáng duy nhất, "gồng gánh" kết quả kinh doanh, đạt doanh thu 177 tỷ (+7% YoY), chiếm tỷ trọng 65% tổng doanh thu, phần còn lại đến từ bàn giao số ít sản phẩm còn lại của dự án cũ cùng một số dịch vụ khác. Như vậy, ITC đã lần lượt hoàn thành 44% và 28% kế hoạch doanh thu và LNST năm 2024.

Chúng tôi ước tính kết quả kinh doanh 2024 của ITC sẽ chưa thể có biến chuyển trong năm nay, tiếp tục duy trì mức thấp điểm. Cụ thể, doanh thu đạt 433 tỷ (-18% yoy)

và LNST đạt 52 tỷ (-41% yoy). Trong đó, trụ cột KQKD là khách sạn La Vela với doanh thu 345 tỷ (+7% yoy), chiếm 80%, còn lại mảng BĐS chủ yếu ghi nhận lác đác các căn còn lại thuộc dự án Terra Royal và Terra Flora. Từ đó, biên gộp cũng bị kéo giảm 8 điểm phần trăm so với năm trước về mức 35%.

**“Mảng khách sạn là điểm sáng duy nhất, "gồng gánh" kết quả kinh doanh trong 6 tháng đầu năm 2024. Kỳ vọng nửa cuối năm 2024 chưa thể có biến chuyển tích cực và vẫn duy trì mức thấp điểm.”**



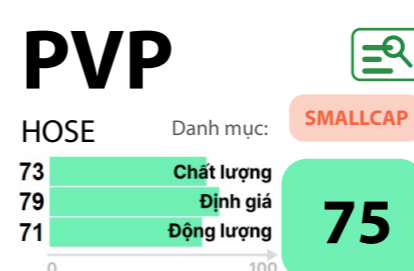
Giá mục tiêu:	59,000	+/- Doanh thu (Q2/24):	142.7%
Giá hiện tại:	36,800	+/- LNST (Q2/24):	178.7%
Lợi nhuận kỳ vọng:	60.3%	EPS:	3,857
Vùng mua:	35,500 - 37,000	ROE:	12.2%

Trong nửa đầu năm 2024 (1H2024), LHG ghi nhận doanh thu 238 tỷ đồng (+31%YoY), chủ yếu đến từ cho thuê đất tại khu công nghiệp Long Hậu 3 giai đoạn 01 (KCN LH3) và từ cho thuê nhà xưởng xây sẵn (NXXS). Về mặt lợi nhuận, Lợi nhuận gộp đạt 134 tỷ đồng (+45%YoY, tỷ suất lợi nhuận gộp (cải thiện lên mức 56%, khi biên lợi nhuận của mảng cho thuê KCN tăng lên mức 64%). Lợi nhuận sau thuế (LNST) đạt 97 tỷ (+33%YoY, tương đương ~74% kế hoạch kinh doanh).

Cho nửa cuối năm 2024, chúng tôi ước tính doanh thu có thể đạt 262 tỷ đồng (+24%YoY), đến từ: 1/ 108 tỷ đồng (+40%YoY) từ bàn giao thêm ~2ha tại KCN LH3 và 2/ 104 tỷ đồng (+28%YoY) từ cho thuê NXXS. Với giá thuê KCN ổn

định trong nửa cuối năm, lợi nhuận gộp có thể đạt 135 tỷ đồng (+24%YoY, biên gộp đạt 52%). Qua đó, LNST cho nửa cuối năm 2024 và cho cả năm ước lần lượt đạt 96 tỷ đồng (+5%YoY, do cùng kỳ 2023 ghi nhận lãi tiền gửi tương đối cao) và 193 tỷ đồng (+16%YoY). EPS 2024 tương ứng đạt 3.850 đồng.

**“Mảng cho thuê nhà xưởng của LHG duy trì doanh thu ổn định và kỳ vọng tăng trong các quý tới khi diện tích thuê mới được đưa vào vận hành.”**



Giá mục tiêu:	19,000	+/- Doanh thu (Q2/24):	-0.1%
Giá hiện tại:	16,150	+/- LNST (Q2/24):	17.3%
Lợi nhuận kỳ vọng:	17.6%	EPS:	1,853
Vùng mua:	15,000 - 15,800	ROE:	11.0%

Trong Q2/2024, tổng doanh thu gần như giữ nguyên so với cùng kỳ do sụt giảm tỷ lệ đóng góp của các dịch vụ phụ trợ, tuy nhiên doanh thu từ dịch vụ vận tải dầu gia tăng rõ rệt, đạt 132,54 tỷ đồng (+52% svck), chiếm 37% tổng doanh thu. Ngoài ra doanh thu từ cho thuê tàu FSO Đại Hùng Queens ổn định đạt 62,6 tỷ đồng, doanh thu quản lý đội tàu thuê cho PVTrans để vận chuyển dầu cho BSR là 1,3 tỷ đồng (+23% svck). Trong khi đó, giá vốn hàng bán cho dịch vụ cung cấp giảm so với cùng kỳ, giúp cho lợi nhuận gộp tăng trưởng mạnh đạt 93,4 tỷ (+54% svck). Lợi nhuận cổ đông Công ty mẹ ghi nhận 62,9 tỷ đồng, tăng trưởng 17% svck.

Lũy kế 6 tháng đầu năm, công ty ghi nhận doanh thu

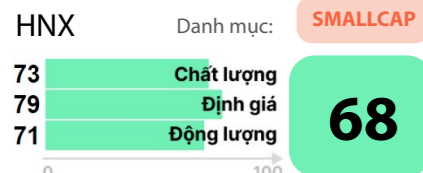
thuần là 733 tỷ đồng (+10% svck), LNST của cổ đông Công ty mẹ là 109,3 tỷ đồng (+8% svck). Theo đó, Công ty đã hoàn thành được 43% kế hoạch doanh thu và 62% kế hoạch lợi nhuận sau thuế cho cả năm 2024.

Chúng tôi dự phóng LNST cổ đông Công ty mẹ 2024F của PVP dự kiến lên 196,2 tỷ đồng. EPS & BVPS 2024F dự kiến đạt 1.892 đ/cp & 17.863 đ/cp, tương ứng P/E và P/B lần lượt đạt 8,7x và 0,9x lần tại mức giá hiện tại.

**“KQKD tích cực nhờ giá vốn hàng bán cho dịch vụ cung cấp giảm đáng kể so với cùng kỳ. Dự phóng LNST cổ đông Công ty mẹ 2024F của PVP dự kiến lên 196,2 tỷ đồng.”**



# TNG



Giá mục tiêu:	30,000	+/- Doanh thu (Q2/24):	8.7%
Giá hiện tại:	26,400	+/- LNST (Q2/24):	51.5%
Lợi nhuận kỳ vọng:	13.6%	EPS:	2,074
Vùng mua:	23,000 - 24,500	ROE:	13.9%

Công ty ghi nhận doanh thu Q2/2024 đạt 2.173 tỷ đồng (+8,7% YoY) nhờ đơn hàng cải thiện. Biên gộp Q2/2024 đạt 16,4% (+4 pps YoY) nhờ giá bán tăng nhẹ 5% YoY. Tuy nhiên, chi phí tài chính tăng 73% YoY (chủ yếu đến từ chi phí tài chính khác khi chi phí lãi vay chỉ tăng nhẹ 5% YoY) đã làm LNST còn 86,3 tỷ đồng (+62% YoY). Theo giải trình của doanh nghiệp thì mức tăng trưởng chủ yếu đến từ việc khai thác sản phẩm khó, phức tạp và mở rộng thị trường xuất khẩu. Ngoài ra, doanh nghiệp cũng tối ưu chi phí nhờ tăng sử dụng máy móc thiết bị tự động và cải thiện năng suất lao động.

Doanh thu thấp hơn dự phóng của chúng tôi 4% và lợi nhuận cũng thấp hơn ước tính 18% do chi phí tài chính

cao hơn dự phóng của chúng tôi 50%. KQKD hợp nhất dự kiến cao hơn nhờ lợi nhuận từ công ty liên kết TNG land. Bên cạnh đó, chúng tôi đang liên hệ ban lãnh đạo về việc mở rộng dây chuyền may khi nhận thấy khoản chi cho CAPEX của doanh nghiệp trong nửa đầu năm 2024 chỉ khoảng 20 tỷ đồng (-36% YoY) trong khi 1 dây chuyền may có chi phí từ 5-10 tỷ đồng (ban lãnh đạo từng chia sẻ) và kế hoạch lắp 12 dây chuyền mỗi quý thì số chi phí cho CAPEX của doanh nghiệp trong nửa đầu năm 2024 phải khoảng 60 tỷ.

**"Mức tăng trưởng lợi nhuận trong Q2/2024 chủ yếu đến từ việc khai thác sản phẩm khó, phức tạp và mở rộng thị trường xuất khẩu."**

# VLB



Giá mục tiêu:	45,000	+/- Doanh thu (Q2/24):	38.7%
Giá hiện tại:	39,600	+/- LNST (Q2/24):	74.9%
Lợi nhuận kỳ vọng:	13.6%	EPS:	3,884
Vùng mua:	36,000 - 38,000	ROE:	28.4%

Quý 2/2024, VLB ghi nhận doanh thu thuần 339 tỷ đồng (+39% svck), LNST công ty mẹ ghi nhận 53 tỷ đồng (+75% svck), như vậy lũy kế 6 tháng năm 2024. VLB lần lượt hoàn thành 65% kế hoạch doanh thu và vượt kế hoạch lợi nhuận của cả năm 2024.

Nhìn chung, sự phục hồi tốt của lợi nhuận sau thuế tới chủ yếu từ các động lực (1) Sân bay Long Thành tích cực đẩy nhanh tiến độ khiến nhu cầu đá của mỏ Tân Cảng 1 tăng lên (2) Sự phục hồi của thị trường bất động sản nói chung (3) Nhu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng của các dự án đầu tư công.

Dự kiến trong Quý 3/2024, KQKD của VLB cũng sẽ bị ảnh hưởng do tính mùa vụ, thời tiết mưa thường làm


hoạt động xây dựng chậm lại. Nhưng vẫn có khả năng duy trì ở ngưỡng cao so với mức nền thấp của cùng kỳ.


Trong Quý 4/2024, nhờ hưởng lợi từ việc đẩy mạnh hoạt động xây dựng của các dự án bất động sản, hoạt động xây+ sửa nhà, giải ngân đầu tư công đặc biệt là dự án sân bay Long Thành. KQKD của VLB có khả năng tiếp tục ghi nhận đà tăng trưởng so với cùng kỳ.


**"Quý 3/2024, kết quả kinh doanh có thể bị ảnh hưởng bởi mùa mưa, nhưng vẫn dự kiến ở mức cao. Quý 4/2024, VLB kỳ vọng tiếp tục tăng trưởng nhờ các dự án xây dựng và đầu tư công, đặc biệt là sân bay Long Thành."**


## CẬP NHẬT DANH MỤC CHỦ ĐỀ



 **Cổ tức tiền mặt cao: BMP, LHG, NT2, QNS, SIP,...**

 **Đầu tư công: HPG, HSG, DPG, C4G, CTD,...**

 **P/B < 1: POW, GEX, CTD, PAN, DXG,...**

 **BDS Dân dụng & KCN: HDC, IJC, KDH, DPR, KBC,...**

### CỔ TỨC TIỀN MẶT CAO

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	P/E	P/B	EPS
BMP	●	Nhựa	138	118.6	16.4%	108 - 115	10.6	3.5	11,432
LHG	●	BĐS Khu công nghiệp	59	36.8	60.3%	35.5 - 37	9.6	1.2	3,857
NT2	-	Điện	22.1	19.8	11.6%	18 - 19.4	71.1	1.4	279
QNS	●	Mía đường	51.8	48.5	6.8%	44.5 - 47	7.5	2.1	6,481
SIP	●	BĐS Khu công nghiệp	101.6	71.4	42.3%	65 - 69	14.2	3.7	5,117

### ĐẦU TƯ CÔNG

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	P/E	P/B	EPS
C4G	●	Xây dựng	11	9	22.2%	8 - 8.6	17.8	0.9	507
CTD	●	Xây dựng	78	63.8	22.3%	61.5 - 63.5	21.5	0.8	2,996
DPG	-	Xây dựng	64.0	56.7	12.9%	49 - 52	15.7	1.5	3,612
HPG	●	Thép	34	26.35	29.0%	25 - 25.8	15.1	1.6	1,746
HSG	●	Thép	23.5	21.3	10.3%	19.5 - 20.5	11.6	1.2	1,841

### P/B < 1

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	P/E	P/B	EPS
POW	●	Điện	14.4	13.1	9.9%	12 - 12.5	27.8	0.9	467
GEX	-	Thiết bị Điện - Điện tử	26	21.75	19.5%	20.5 - 21.2	17.4	0.9	1,234
CTD	●	Xây dựng	78	63.8	22.3%	61.5 - 63.5	21.5	0.8	2,996
PAN	-	Thực phẩm	25.5	23.6	8.1%	21.5 - 22.5	10.4	0.6	2,270
DXG	-	BĐS Dân cư	19.5	16.7	16.8%	14.1 - 15.9	65.5	0.8	249

Chú thích Phân loại cổ phiếu:

● Cổ phiếu Tăng trưởng ● Cổ phiếu Phòng thủ - Đang cập nhật phân loại

Giá mục tiêu\*2xx,x (màu lục) là giá mục tiêu của phân tích kỹ thuật

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 30/09/2024

\*Đơn vị: nghìn đồng

### BĐS DẪN DỰNG & KCN

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	P/E	P/B	EPS
HDC	-	BĐS Dân cư	31.5	26.95	16.9%	25 - 26.5	36.6	2.4	734
IJC	-	BĐS Dân cư	15.8	13.7	15.3%	12.6 - 13.3	20.0	1.2	683
KDH	●	BĐS Dân cư	46.5	38.9	19.5%	37 - 38.5	57.7	2.3	672
NLG	-	BĐS Dân cư	43.9	41.55	5.7%	37.5 - 40	37.6	1.2	1,102
VHM	-	BĐS Dân cư	47.5	42.8	11.0%	39 - 41.5	8.1	1.0	5,325
DPR	●	BĐS Khu công nghiệp	53.3	43.3	23.1%	39 - 41.5	15.2	1.2	2,848
GVR	-	BĐS Khu công nghiệp	41	35.75	14.7%	30.5 - 33.5	51.0	2.6	704
IDC	●	BĐS Khu công nghiệp	59.1	57.6	2.6%	54 - 57	10.5	3.1	5,573
KBC	-	BĐS Khu công nghiệp	41.6	28.2	47.5%	27.1 - 27.8	92.0	1.1	306
LHG	●	BĐS Khu công nghiệp	59.0	36.8	60.3%	35.5 - 37	9.6	1.2	3,857

Chú thích Phân loại cổ phiếu:

● Cổ phiếu Tăng trưởng ● Cổ phiếu Phòng thủ - Đang cập nhật phân loại

Giá mục tiêu\*2xx,x (màu lục) là giá mục tiêu của phân tích kỹ thuật

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 30/09/2024

\*Đơn vị: nghìn đồng



## TỔNG QUAN VỀ SMART PORTFOLIO

Cung cấp những danh mục đầu tư chất lượng và phù hợp với từng khẩu vị rủi ro

### Mục tiêu đầu tư

Tìm kiếm lợi nhuận bền vững từ việc tăng trưởng vốn gốc và thu nhập cổ tức thông qua việc đầu tư vào các cổ phiếu được niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

### Chiến lược đầu tư

Các danh mục mô phỏng theo chiến lược phân bổ cổ phiếu nhằm tối đa hóa lợi nhuận với mức rủi ro hợp lý.

Với mục tiêu đầu tư cụ thể, tỷ trọng của các nhóm cổ phiếu sẽ được phân bổ khác nhau ở mỗi danh mục tùy thuộc vào mức độ rủi ro và kỳ vọng lợi nhuận tương ứng của từng danh mục.

### Cơ cấu đầu tư

Các danh mục sẽ có sự kết hợp tỷ trọng giữa các nhóm cổ phiếu giá trị, tăng trưởng, chủ đề và linh hoạt để tạo ra sự đa dạng về lợi suất kỳ vọng cũng như rủi ro.

Cơ cấu danh mục đầu tư đa dạng theo ngành nghề dựa theo tiềm năng tăng trưởng của ngành, tình hình kinh tế vĩ mô và thanh khoản trên thị trường.

Thời hạn đầu tư 6 - 12 tháng.

### Phương pháp đầu tư

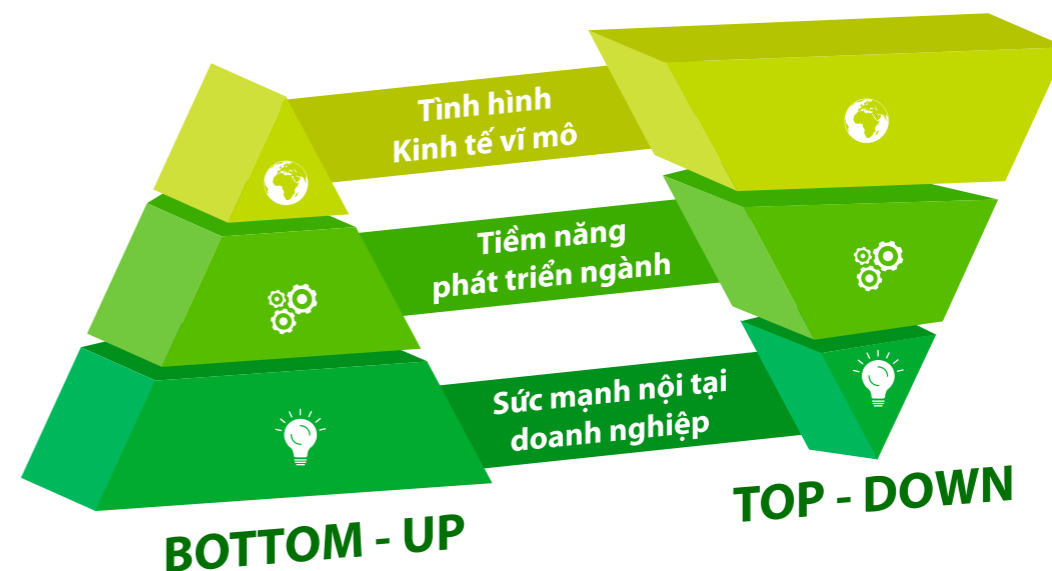
SmartPortfolio thiết kế các danh mục tập trung vào những công ty có nền tảng hoạt động ổn định & quản trị minh bạch, tiềm năng ngành tăng trưởng tốt, định giá hấp dẫn so với các yếu tố cơ bản.

Cổ phiếu niêm yết trên 2 sàn HSX và HNX. Vốn hóa cổ phiếu >1,000 tỷ VNĐ. Thanh khoản trung bình phiên trong 30 ngày gần nhất >100,000 cổ phiếu. Tiềm năng tăng giá (bao gồm suất cổ tức kỳ vọng) của cổ phiếu > 15% trong chu kỳ 12 tháng.

## PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG DANH MỤC ĐẦU TƯ

### I. Phương pháp tiếp cận

Kết hợp **Bottom-Up** và **Top-down** để tìm kiếm các cơ hội đầu tư vượt trội.



**Đối với phương pháp Bottom-up:** Chúng tôi tập trung vào những doanh nghiệp có những câu chuyện riêng:

- ✓ Doanh nghiệp có tài sản ngầm, chưa được khai thác đầy đủ
- ✓ Doanh nghiệp đang trong quá trình tái cấu trúc, thay đổi cơ cấu chủ sở hữu từ đó dẫn đến các cải thiện tích cực trong kết quả kinh doanh; Cổ phiếu liên quan đến hoạt động mua bán sáp nhập
- ✓ Cổ phiếu của các doanh nghiệp nằm trong danh sách thoái vốn của Nhà nước;
- ✓ Cổ phiếu có giá thị trường giảm sâu trong ngắn hạn và giảm sâu với giá định giá hợp lý.

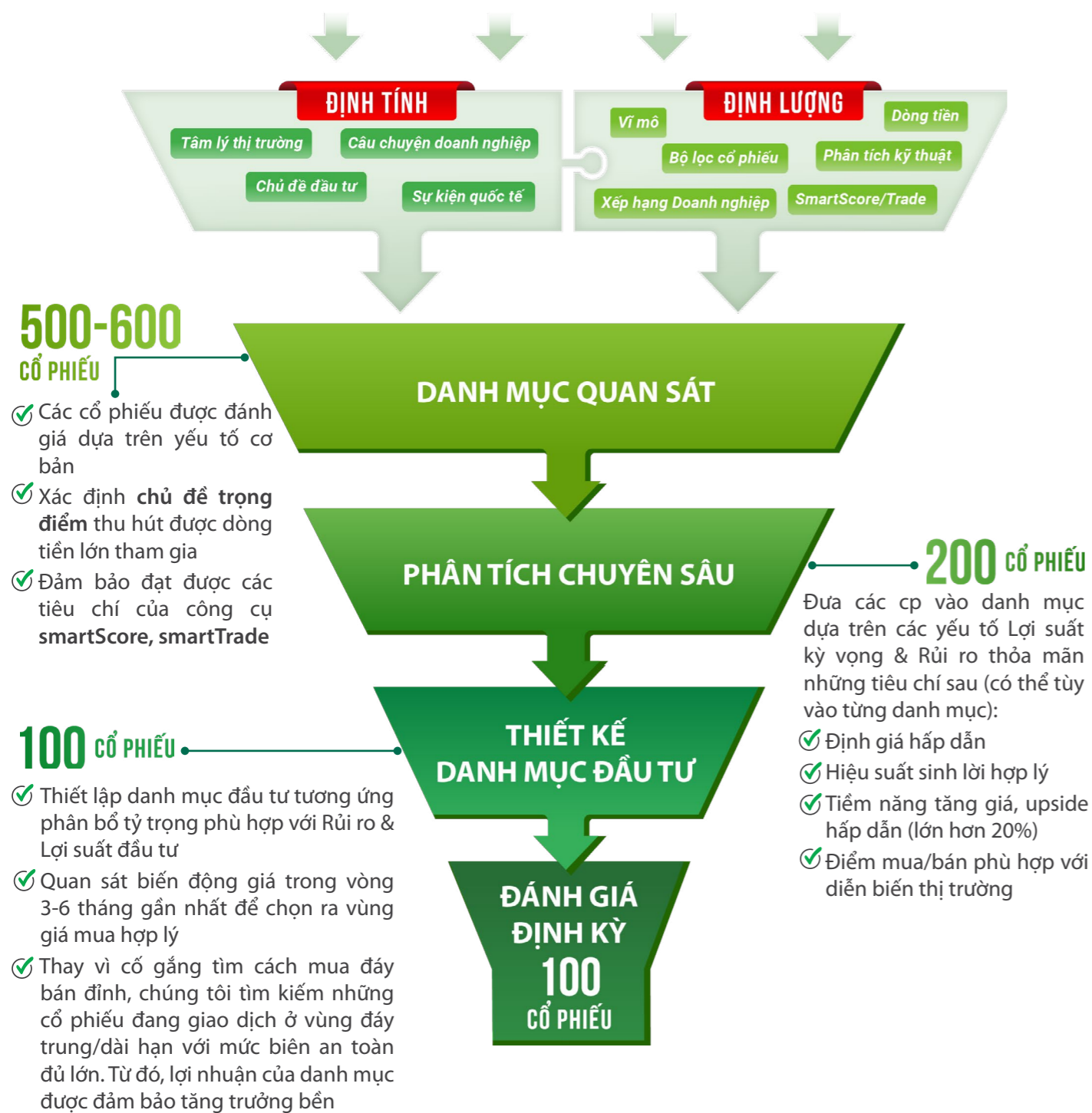
**Đối với phương pháp Top-down:** Các cổ phiếu được chúng tôi thẩm định theo tuần tự:

- 1 Phân tích chỉ báo kinh tế vĩ mô, chính sách để tìm kiếm các ngành nghề triển vọng.
- 2 Tìm kiếm cổ phiếu các doanh nghiệp tiềm năng nhất ngành dựa trên các yếu tố cơ bản như:
  - ✓ Sức mạnh và sự ổn định tài chính, hiệu quả hoạt động
  - ✓ Chất lượng quản trị & năng lực điều hành
  - ✓ Lợi thế cạnh tranh, thị phần, quy mô, mô hình kinh doanh và loại hình sản phẩm hay dịch vụ đang cung cấp
  - ✓ Tiềm năng tăng trưởng lợi nhuận
- 3 Tập trung những cổ phiếu đang được định giá hấp dẫn so với giá trị thực cũng như tiềm năng tăng giá trong tương lai.



## II. Quy trình xây dựng danh mục đầu tư

~ 1700 CỔ PHIẾU



## DIỄN GIẢI THUẬT NGỮ

### Cổ phiếu Tăng trưởng (●)

Cổ phiếu tăng trưởng là cổ phiếu của một công ty được dự đoán sẽ tăng trưởng với tốc độ cao hơn đáng kể so với mức tăng trung bình của thị trường. Những cổ phiếu này thường ít trả cổ tức, thay vào đó công ty thường tái đầu tư tất cả thu nhập để thúc đẩy tăng trưởng trong ngắn hạn. Các nhà đầu tư sau đó kiếm được tiền nhờ tăng trưởng giá ẩn tượng khi

họ bán cổ phiếu. Do không có cổ tức, đầu tư vào cổ phiếu tăng trưởng có thể khá rủi ro. Cơ hội duy nhất mà một nhà đầu tư kiếm được tiền là khi họ bán cổ phần của mình và hưởng lợi từ mức giá phản ánh câu chuyện tăng trưởng trong tương lai của doanh nghiệp.

### Cổ phiếu Phòng thủ (●)

Cổ phiếu phòng thủ là loại cổ phiếu mang lại cổ tức và dòng thu nhập ổn định bất kể tình hình của thị trường chứng khoán. Do nhu cầu liên tục cho các sản phẩm/dịch vụ của công ty mình, cổ phiếu phòng thủ có xu hướng duy trì sự ổn định trong các giai đoạn khác nhau của chu kỳ kinh doanh. Một số cổ phiếu thuộc các ngành nghề đặc trưng với tính phòng thủ như y tế, hàng tiêu dùng thiết yếu, sản xuất và phân phối điện, khí đốt và nước...

### Danh sách cổ phiếu chờ

Danh sách cổ phiếu chờ là danh sách những cổ phiếu được ưu tiên lựa chọn để thay thế những cổ phiếu trong danh mục chính tại thời điểm cơ cấu danh mục vào cuối tháng.

### Chấm điểm smartscore

**Điểm Chất lượng** tập trung đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh và sự tăng trưởng của doanh nghiệp.

\* Các tiêu chí cấu phần điểm Chất lượng:

- ✓ **Chỉ số Hoạt động:** vòng quay phải thu, vòng quay hàng tồn kho, vòng quay phải trả,...
- ✓ **Chỉ số Thanh khoản:** chỉ số thanh toán nhanh, chỉ số thanh toán hiện hành,...
- ✓ **Chỉ số Cơ cấu tài sản:** nợ vay/vốn chủ sở hữu, nợ vay/tài sản,...
- ✓ **Chỉ số Hiệu quả:** biên lợi nhuận thuần, biên lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh, biên lợi nhuận ròng,...
- ✓ **Chỉ số Tăng trưởng:** tăng trưởng doanh thu, tăng trưởng lợi nhuận ròng, tăng trưởng EPS, CAGR lợi nhuận ròng (4 năm),...

**Điểm Định giá** tập trung đo lường để xem xét thị giá của cổ phiếu đang cao hay thấp so với giá trị thực hoặc so với ngành.

\* Các tiêu chí cấu phần điểm Định giá:

- ✓ P/E, P/B, P/S, EV/EBITDA, EV/S,...
- ✓ Vốn hoá thị trường,...

**Điểm Động lượng** tập trung đo lường biến động giá và khối lượng giao dịch của cổ phiếu trên thị trường.

\* Các tiêu chí cấu phần điểm Động lượng:

- ✓ Khối lượng giao dịch cổ phiếu trung bình 3 tháng, 2 tuần,...
- ✓ Tỷ lệ thay đổi giá của cổ phiếu 1 tháng, 3 tháng, 6 tháng,...
- ✓ Khối lượng giao dịch 2 tuần/ 3 tháng,...